

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2017

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số ngày tháng năm của Hiệu trưởng)

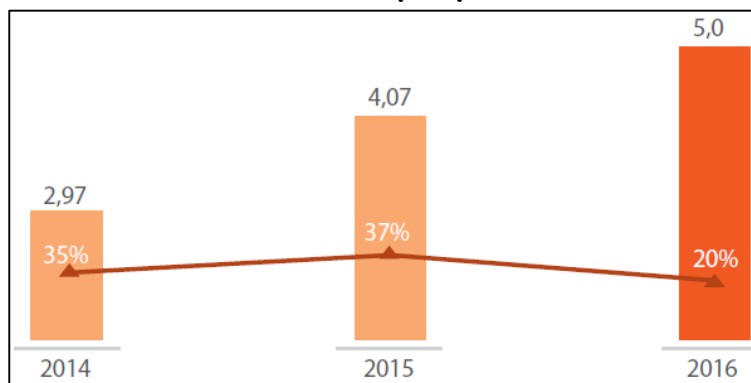
- Tên chương trình: **Thương mại điện tử**
- Trình độ đào tạo: **Cử nhân**
- Mã ngành đào tạo: **52340122**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Chủ nhiệm ngành: **TS. Dương Minh Đức**

### 1. Hiện trạng của ngành đào tạo

#### 1.1 Hiện trạng của ngành tại VN và trên thế giới

Tại Việt Nam, theo kết quả khảo sát năm 2015 của Cục TMĐT và CNTT, giá trị mua hàng của một người mua hàng trực tuyến trong năm ước đạt 160 USD, doanh số TMĐT B2C đạt khoảng 4,07 tỷ USD, tăng 37% so với năm trước đó, chiếm khoảng 2,8% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước. Loại hàng hóa, dịch vụ được mua trực tuyến phổ biến nhất là quần áo, giày dép và mỹ phẩm (64%). Tiếp theo là đồ công nghệ và điện tử, thiết bị đồ dùng gia đình, sách, văn phòng phẩm, hoa, quà tặng. Theo Cục TMĐT và Công nghệ thông tin, (Bộ Công Thương), TMĐT đang có bước phát triển rất nhanh nhờ hệ thống viễn thông phát triển vượt bậc với khoảng 1/3 dân số Việt Nam truy cập Internet. Tỷ lệ website có tính năng đặt hàng trực tuyến là 58%, trong đó tỷ lệ website có tính năng thanh toán trực tuyến là 15%.

Doanh số thu từ TMĐT B2C tại Việt Nam năm 2014 - 2016



## Tình hình mua sắm trực tuyến tại Việt Nam từ năm 2015 – 2016

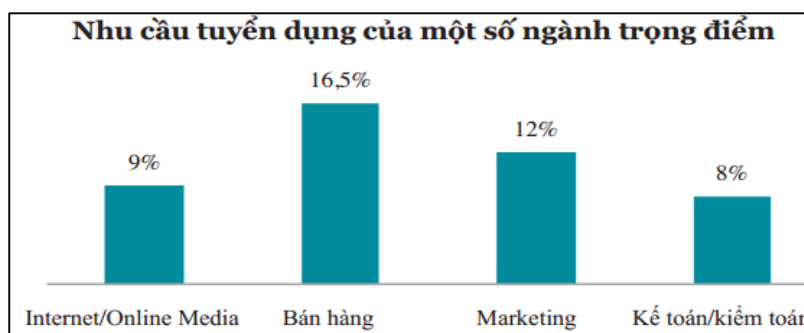
	2014	2015	2016
Ước tính tỷ lệ người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến	58%	62%	65%
Ước tính giá trị mua sắm trực tuyến của một người (USD)	145	160	170

(Nguồn: Vietnamworks năm 2015)

Trong khi đó, mô hình kinh doanh trên toàn cầu tiếp tục thay đổi đáng kể với sự ra đời của TMĐT. Nhiều quốc gia trên thế giới cũng đã đóng góp vào sự phát triển của TMĐT. Doanh thu TMĐT bán lẻ của Hoa Kỳ năm 2015 ước đạt khoảng 355 tỷ USD chiếm khoảng 7,4% tổng doanh thu bán lẻ nước này. Dự đoán đến năm 2019, doanh thu TMĐT bán lẻ của Hoa Kỳ sẽ chiếm 9,8% tổng doanh thu bán lẻ. Trong số các nền kinh tế mới nổi, sự hiện diện của TMĐT ở Trung Quốc tiếp tục được mở rộng. Với 384 triệu người sử dụng Internet, doanh số bán lẻ của cửa hàng trực tuyến ở Trung Quốc tính đến tháng 9/2015 ước đạt 672,01 tỷ USD, tăng 42,1% so với cùng kỳ 2014 và chiếm khoảng 15,9% tổng doanh thu bán lẻ của Trung Quốc và một trong những lý do đằng sau sự tăng trưởng vượt bậc là cải thiện độ tin cậy của khách hàng.

### 1.2 Nhu cầu và bối cảnh mở ngành mới

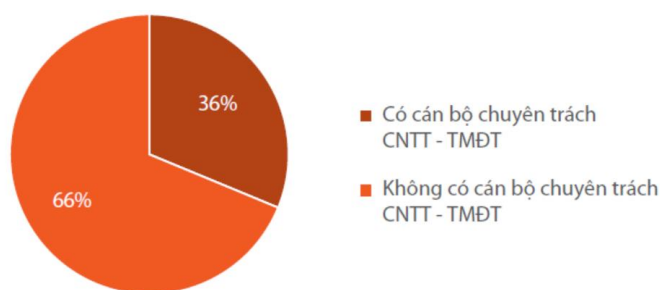
Tính đến tháng 9/2015, cả nước có hơn 513.000 doanh nghiệp với hơn 12,8 triệu lao động. Theo khảo sát của Cục TMĐT và CNTT năm 2015, có khoảng 45% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử cập nhật định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm. Số lượng doanh nghiệp sở hữu website TMĐT ước khoảng 200.000 doanh nghiệp. Nếu ước tính mỗi doanh nghiệp có ít nhất 1 nhân sự chuyên trách về TMĐT, có thể là nhân viên về kỹ thuật, bán hàng qua mạng, marketing, giao nhận, quản trị nhân sự, quản lý,... thì tổng nhu cầu nhân lực chuyên trách lên tới ít nhất 200.000 người.



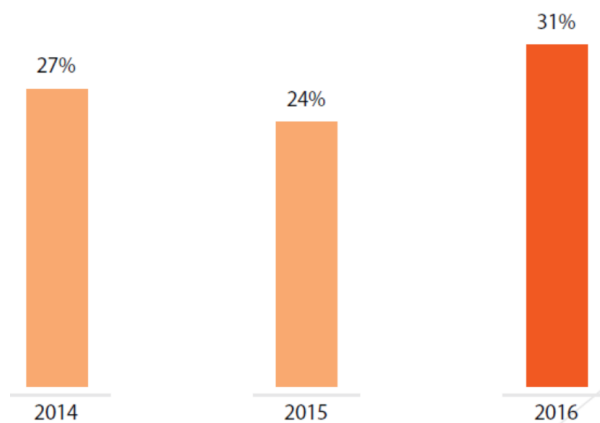
(Nguồn: Vietnamworks năm 2015)

Các vị trí liên quan đến thương mại điện tử (TMĐT) chiếm gần 4,9% trong tổng số nhu cầu trên Vietnamworks.com. Trong khi đó, tỉ lệ tuyển dụng trong các ngành nghề “lúc nào cũng cần” như bán hàng cũng chỉ chiếm 17,5%, marketing 12,5%, kế toán, kiểm toán 7,8%.

Nhu cầu đang tăng cao nhưng vấn đề đào tạo lại là một thách thức lớn cho ngành TMĐT. Theo kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2011-2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đặt mục tiêu 80% DN có trang thông tin điện tử, cập nhật thường xuyên thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của DN. Nhưng để thực hiện được điều này, mỗi DN cần ít nhất một kỹ thuật viên TMĐT. Như vậy, đến năm 2015, để phục vụ cho hoạt động cho DN cũng như đáp ứng được nhu cầu phát triển TMĐT, cả nước cần phải có khoảng 374.640 kỹ thuật viên. Với tình hình đào tạo của nước ta thì mức cung không đủ để đáp ứng nhu cầu của thị trường tuyển dụng.

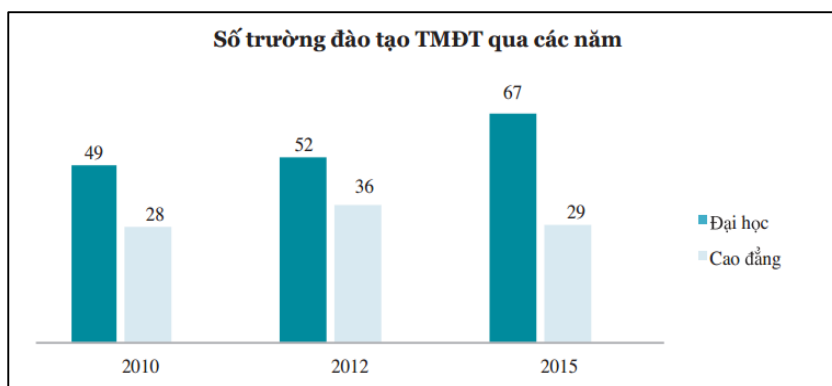


#### Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự có kỹ năng về CNTT – TMĐT



(Nguồn: Vecita 2017)

Theo khảo sát của Cục TMĐT và CNTT năm 2015, trong số 164 trường tham gia khảo sát, có 96 trường đã triển khai hoạt động đào tạo TMĐT, trong đó có 67 trường đại học và 29 trường cao đẳng. Số trường đào tạo TMĐT tăng 19 trường so với năm 2010 và tăng 8 trường so với năm 2012 cho thấy nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong ngành TMĐT ngày càng tăng.



(Nguồn: Báo cáo TMĐT VN 2015 VECITA)

Về số lượng sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường, theo khảo sát được thực hiện tại Trường đại học Thương mại, là một trong số 3 trường được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho đào tạo thí điểm ngành TMĐT, số lượng sinh viên tốt nghiệp qua 6 khóa là 1.623SV. Trong đó, 93% sinh viên ra trường tìm được việc làm đúng ngành đào tạo, trong 7% còn lại thì có tới 6% tiếp tục đi học và chỉ có 1% là chưa tìm được việc làm.

Theo khảo sát của Cục TMĐT (2015), hình thức đào tạo TMĐT hiện nay chủ yếu theo đơn đặt hàng (chiếm 37%) và ngắn hạn tập trung (chiếm 33%). Hình thức đào tạo chính quy dài hạn chỉ chiếm 16%, đào tạo trực tuyến chiếm 9%. Tỷ lệ học viên tham gia các khoá học chủ yếu là sinh viên, chiếm 42%. Cán bộ quản lý kinh doanh và cán bộ CNTT tham gia các khoá học TMĐT chiếm tỷ lệ tương ứng 15% và 12%.

Như vậy công tác đào tạo chính quy nguồn nhân lực TMĐT mới chỉ phần nào đáp ứng được nhu cầu từ thực tế. Hơn nữa, chất lượng đào tạo của các trường chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng. Tỷ lệ lao động được đào tạo chính quy về TMĐT trong những công ty TMĐT hàng đầu Việt Nam chưa cao. Các doanh nghiệp trực tuyến phải tốn kém chi phí và thời gian cho việc tuyển dụng nhân sự và đào tạo họ để có thể đáp ứng công việc.

### **1.3 Luận cứ khoa học về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo**

– Theo nội dung Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương Đảng khóa XI ngày 16/1/2012 về việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đã chỉ rõ chủ trương cần phát triển nhanh hệ thống Thương mại điện tử.

– Theo nội dung Nghị quyết số 01/NQ-CP tháng 01 năm 2012 của Chính phủ tiếp tục đưa ra chủ trương “*tiếp tục đẩy mạnh phát triển Thương mại điện tử trong nước, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam đến năm 2020; nghiên cứu, xây dựng và áp dụng cơ chế phù hợp khuyến khích phát triển Thương mại điện*

*tử*”. Bên cạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về TMĐT, việc phát triển nguồn nhân lực về TMĐT được đặc biệt chú trọng, tập trung chủ yếu vào phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích của TMĐT, đẩy mạnh đào tạo chính quy về TMĐT.

– Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 Thủ Tướng Chính Phủ, “Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014-2020”.

– Quyết định 07/2015/QĐ-TTg ngày 02/02/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ, “Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia”.

– Quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 08/8/2016, “Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 – 2020”.

– Căn cứ kết luận Biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Hệ thống Thông tin, Trường Đại học Công nghệ thông tin ngày 17/01/2014;

– Căn cứ kết luận Biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Hệ thống Thông tin, Trường Đại học Công nghệ thông tin ngày 05/12/2014;

– Căn cứ kết luận Biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghệ Thông tin ngày 13/5/2016;

– Căn cứ vào nhu cầu bổ sung chương trình đào tạo của trường Đại học Công Nghệ thông tin và dựa trên thực tế theo nhu cầu xã hội;

– Căn cứ bản nhận xét chương trình đào tạo của các đơn vị chuyên môn, đơn vị chủ quản và đơn vị doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TMĐT, gồm có: Cục Thương mại Điện tử và CNTT – Bộ Công Thương, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Công ty OnlineCRM và Công ty Haravan.

– Căn cứ nội dung Bản thỏa thuận về việc hợp tác đào tạo ngày 7/3/2017 giữa Trường ĐH CNTT và ĐH Kinh Tế- Luật.

#### **1.4 So sánh với các CTĐT trong và ngoài nước**

Chương trình đào tạo TMĐT của Trường ĐH Công nghệ Thông tin (UIT) được so sánh với CTĐT TMĐT của các trường được phép đào tạo thí điểm trong nước và trong khối ĐHQG TP.HCM, như Đại học Kinh Tế - Luật (UEL), Đại học Công nghiệp TPHCM (IUH) nhằm kế thừa các điểm mạnh sẵn có về khung chương trình đào tạo (số tín chỉ, môn học, kế hoạch giảng dạy,...). Ngoài ra, chương trình đào tạo TMĐT còn được so sánh với các trường tiên tiến trên thế giới như ĐH Quốc Gia Singapore (NUS), ĐH AthabascaU Canada để cập nhật những xu hướng mới nhất trên thế giới về ngành Thương mại điện tử.

So sánh nội dung CTĐT của UIT và UEL là hai trường thuộc VNU-HCM, số môn học có nội dung tương đương về hàm lượng kiến thức liên quan đến kinh doanh quản lý và công nghệ khá cao (80%). Với kết quả chung như sau:

- Số môn tương đương của UIT so với UEL: **42** môn (bao gồm các môn tự chọn).
- Số tín chỉ tương đương của UIT so với UEL: **136/191** tín chỉ (71%) (bao gồm số TC của các môn tự chọn).
- Như vậy, so sánh chương trình của UIT và UEL có nhiều điểm tương đồng về các môn học, sự chênh lệch về một số môn về kỹ thuật - công nghệ, kinh tế - quản lý và số tín chỉ trong từng môn học.

*(Nội dung so sánh chi tiết với từng trường được đính kèm trong Phụ lục 1)*

## **2. Mục tiêu đào tạo**

### **2.1 Mục tiêu chung**

Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin có kỹ năng đáp ứng những yêu cầu trong thương mại trực tuyến, tiến hành nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong CNTT vào thương mại điện tử, đặc biệt là hướng vào các ứng dụng nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### **2.2 Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu đào tạo (ký hiệu là G) của chương trình Cử nhân ngành Thương mại điện tử:

- G1: Đào tạo nguồn lực chất lượng cao nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Thương mại điện tử như các phương pháp phân tích, thiết kế hệ thống kinh doanh trực tuyến, kế toán, tiếp thị, thanh toán điện tử, nền kinh tế điện tử, công nghệ web và mạng xã hội, đặc điểm người sử dụng web, kỹ năng phân tích, tổng hợp, lập giải pháp, phát triển khả năng tư duy, rèn luyện đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp.
- G2: Đào tạo đội ngũ chuyên sâu có khả năng tổ chức và phát triển các ứng dụng tin học hỗ trợ các hoạt động giao dịch điện tử, thương mại, kinh doanh điện tử, chứng thực và an toàn trong giao dịch điện tử.
- G3: Đào tạo đội ngũ quản lý có khả năng hoạch định, xây dựng và quản lý các hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp cũng như tại các cơ quan nhà nước.
- G4: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt.

### **2.3 Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Chuẩn đầu ra (ký hiệu là LO) được xây dựng dựa trên khảo sát ý kiến các bên liên quan, chương trình khung các trường Đại học trên thế giới với các điều chỉnh phù hợp ngành Thương mại điện tử.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Thương mại điện tử đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra sau:

### a. Kiến thức

- LO 1: Nắm vững kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.
- LO 2: Nắm vững kiến thức kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành Thương mại điện tử.

### b. Kỹ năng

- LO 3: Có kỹ năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề.
- LO 4: Có kỹ năng nghiên cứu khoa học và khám phá tri thức.
- LO 5: Có tư duy hệ thống.
- LO 7: Có kỹ năng làm việc nhóm.
- LO 8: Có kỹ năng giao tiếp.
- LO 9: Có kỹ năng ngoại ngữ.
- LO 10: Hiểu bối cảnh và nhu cầu xã hội, có kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng.

### c. Thái độ

- LO 6. Có nhận thức về sự cần thiết và có năng lực để học tập suốt đời. Có hiểu biết về các giá trị đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo TMĐT được cụ thể hóa trong bảng sau:

CĐR cấp			Nội dung
1	2	3	
<b>LO 1. Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội</b>			
1	1	Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên	
1	2	Kiến thức nền tảng về khoa học xã hội	
1	3	Khối kiến thức về ngoại ngữ	
1	4	Khối kiến thức về giáo dục thể chất – giáo dục quốc phòng	
<b>LO 2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ngành Thương mại điện tử</b>			
2	1	Kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin	

2	1	1	Kiến thức cơ bản về máy tính
2	1	2	Kiến thức mạng máy tính và truyền thông
2	1	3	Kiến thức lập trình
2	1	4	Kiến thức cấu trúc dữ liệu và giải thuật
2	1	5	Kiến thức quản lý thông tin
2	2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên sâu ngành TMĐT	
2	2	1	Kiến thức kinh tế học
2	2	2	Kiến thức thương mại điện tử
2	2	3	Kiến thức hệ thống TMĐT
2	2	4	Kiến thức tiếp thị căn bản và trực tuyến
2	2	5	Kiến thức quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp
2	2	6	Kiến thức quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp
2	2	7	Kiến thức lập trình trên nền tảng web
2	2	8	Kiến thức lập trình trên thiết bị di động
2	2	9	Kiến thức quản lý dự án TMĐT
2	2	10	Kiến thức khai thác dữ liệu
2	2	11	Kiến thức hệ hỗ trợ ra quyết định
2	2	12	Kiến thức về luật trong TMĐT
2	2	13	Kiến thức an toàn và bảo mật TMĐT
2	2	14	Kiến thức hệ thống thanh toán trực tuyến
2	2	15	Kiến thức hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
2	2	16	Kiến thức chiến lược kinh doanh điện tử
2	2	17	Kiến thức phân tích dữ liệu kinh doanh
2	2	18	Kiến thức quản trị chuỗi cung ứng



2	2	19	Kiến thức quản trị kênh phân phối
2	2	20	Kiến thức dữ liệu lớn
2	2	21	Kiến thức cơ sở dữ liệu phân tán
2	2	22	Kiến thức mạng xã hội
2	2	23	Khối kiến thức mở rộng và nâng cao khác
<b>LO 3. Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề</b>			
3	1		Xác định và hình thành vấn đề
3	2		Mô hình hóa và phân tích
3	3		Suy luận và giải quyết
3	4		Đánh giá giải pháp và đề xuất
<b>LO 4. Kỹ năng nghiên cứu khoa học và khám phá tri thức</b>			
4	1		Tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin
4	2		Hình thành giả thuyết
4	3		Thực nghiệm để khám phá tri thức
4	4		Kiểm chứng và bảo vệ giả thuyết
<b>LO 5. Tư duy hệ thống</b>			
5	1		Suy nghĩ toàn cục
5	2		Sự tương tác giữa các thành phần trong hệ thống
5	3		Xác định độ ưu tiên và quan trọng
5	4		Đánh giá hệ thống
<b>LO 6. Có nhận thức về sự cần thiết và có năng lực để học tập suốt đời. Có hiểu biết về các giá trị đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp</b>			
6	1		Tự phát triển kiến thức nghề nghiệp
6	2		Đeo đuổi và tìm kiếm các tri thức và công nghệ mới

6	3	Cập nhật kiến thức	
6	4	Nắm bắt các chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức	
6	5	Trách nhiệm và cách hành xử chuyên nghiệp	
6	6	Trung thực, uy tín và trung thành	
<b>LO 7. Kỹ năng làm việc nhóm</b>			
7	1	Xác định vai trò thành viên hay lãnh đạo nhóm	
7	2	Thành lập nhóm	
7	3	Quản lý tiến trình hoạt động của nhóm	
<b>LO 8. Kỹ năng giao tiếp</b>			
8	1	Kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết	
8	2	Kỹ năng trình bày	
8	3	Kỹ năng đàm phán	
8	4	Kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội	
<b>LO 9. Kỹ năng ngoại ngữ</b>			
9	1	Kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết tổng quát	
9	2	Đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng ngoại ngữ	
9	2	1	Các thuật ngữ chuyên môn cơ bản
9	2	2	Đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng ngoại ngữ
<b>LO 10. Hiểu bối cảnh và nhu cầu xã hội, có kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng</b>			
10	1	Hiểu bối cảnh và nhu cầu xã hội	
10	2	Kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng	
10	2	1	Kỹ năng xây dựng ý tưởng
10	2	2	Kỹ năng thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng

#### d. Chuẩn trình độ ngoại ngữ

Sinh viên hoàn thành 3 môn Anh văn và có chứng chỉ tiếng Anh 4 kỹ năng đạt mức điểm theo bảng chuẩn đầu ra tiếng Anh dưới đây:

Chứng chỉ	CEFR	TOEIC		TOEFL iBT	IELTS	Cambridge English	VNU-EPT
		Listening & Reading	Speaking & Writing				
Tiếng Anh	B1.2	450	185	42	4.5	FCE / PET Pass with Distinction	176

Bảng chuẩn đầu ra tiếng Anh

#### e. Ma trận chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo

CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO			
	G 1	G 2	G 3	G 4
LO 1				✓
LO 2	✓	✓	✓	
LO 3	✓	✓	✓	
LO 4	✓	✓	✓	
LO 5	✓	✓	✓	
LO 6				✓
LO 7	✓	✓	✓	
LO 8	✓	✓	✓	
LO 9	✓	✓	✓	
LO 10	✓	✓	✓	

#### f. Cơ hội nghề nghiệp (vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp)

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử có thể làm việc ở những phạm vi và lĩnh vực khác nhau như:

- Chuyên viên tư vấn: hoạch định chính sách phát triển TMĐT, xây dựng và bảo trì các dự án công nghệ thông tin liên quan đến lĩnh vực Thương mại điện tử hoặc quản trị doanh nghiệp điện tử.

- Chuyên viên CNTT – TMĐT: xây dựng các hệ thống giao dịch thương mại, kinh doanh trực tuyến tại cơ quan và doanh nghiệp (hành chính sự nghiệp, ngân hàng, viễn thông, hàng không, xây dựng...).
- Giảng dạy đào tạo: Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thương mại điện tử ở các trường đại học và cao đẳng trên cả nước.
- Khởi nghiệp doanh nhân: xây dựng kế hoạch kinh doanh để biến ý tưởng thành hiện thực. Kiến thức được trang bị ở giảng đường sẽ là lợi thế cho các bạn trẻ khởi nghiệp kinh doanh trực tuyến thành công.
- Giám đốc kinh doanh trực tuyến: sau khi ra trường và tích lũy kinh nghiệm vài năm, vị trí Giám đốc kinh doanh trực tuyến là điều mà sinh viên có thể nhắm tới và đạt được.

### **3. Thời gian đào tạo**

- Thời gian đào tạo: 4 năm, 8 học kỳ.

### **4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tín chỉ)**

- Tổng số tín chỉ: 133.

### **5. Đối tượng tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh xét theo quy định chung của nhà Trường.
- Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành TMĐT theo quy định chung của nhà trường là 60-120 SV/năm.
- Thống kê số lượng sinh viên đang theo học chuyên ngành TMĐT – ngành Hệ thống thông tin từ 2013-2017 (240SV)

<b>KHÓA HỌC</b>	<b>SĨ SỐ</b>
TMĐT 2013	<b>39 SV/40 CT</b>
TMĐT 2014	<b>43 SV/40 CT</b>
TMĐT 2015	<b>44 SV/40 CT</b>
TMĐT 2016	<b>54 SV/50 CT</b>
TMĐT 2017	<b>60 SV/60 CT</b>

## **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **6.1 Quy trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin cho hệ đại học chính quy do Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH ngày 05/09/2015.
- Dựa theo thỏa thuận hợp tác đào tạo giữa hai trường Trường ĐH CNTT (UIT) và ĐH Kinh Tế- Luật (UEL), các môn học có liên quan về kinh tế sẽ do các giảng viên của UEL đảm trách chính, các môn học liên quan về công nghệ sẽ do giảng viên UIT đảm trách chính dựa trên tinh thần phối hợp hỗ trợ để hoàn thành nội dung chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, nhằm sử dụng chung nguồn lực của ĐHQG và tận dụng nguồn nhân lực của UEL và thể hiện tính hệ thống của ĐHQG.

### **6.2 Điều kiện tốt nghiệp**

- Công nhận tốt nghiệp: Sinh viên đã tích lũy tối thiểu là 133 TC, đã hoàn thành các môn học bắt buộc đối với ngành đăng ký tốt nghiệp.
- Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn khác theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin cho hệ đại học chính quy do Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH ngày 05/09/2015.
- Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng: Cử nhân ngành Thương mại điện tử, chương trình chính quy tập trung.

## **7. Thang điểm (theo thang điểm 10):**

- Theo thang điểm 10.

## **8. Nội dung chương trình**

### **8.1 Danh sách các môn học được giảng dạy bởi giảng viên ĐH CNTT và ĐH Kinh tế - Luật**

Dựa trên nội dung trong Bản thỏa thuận hợp tác giữa hai trường ĐH CNTT (UIT) và ĐH Kinh Tế-Luật (UEL), về việc trao đổi giảng viên tham gia giảng dạy các môn học ngành thương mại điện tử. Theo đó, UIT cử giảng viên dạy một số môn học công nghệ thông tin chuyên sâu trong chương trình đào tạo của UEL. Ngược lại, UEL sẽ cử giảng viên dạy các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị và luật trong chương trình đào tạo của UIT.

Ngoài ra, có ít nhất 10% trên tổng số tín chỉ chương trình đào tạo (không bao gồm các môn học thuộc khối giáo dục thể chất, quốc phòng, chính trị, ngoại ngữ) tương ứng của mỗi bên sẽ do bên kia phụ trách giảng dạy (xem bảng bên dưới). Cụ thể như sau:

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY	
				UIT	UEL
<b>Kiến thức cơ sở nhóm ngành</b>					
1	IT001	Nhập môn lập trình	4	X	
2	IT002	Lập trình hướng đối tượng	4	X	
3	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	X	
4	IT004	Cơ sở dữ liệu	4	X	
5	IT005	Nhập môn mạng máy tính	4	X	
6	IT009	Giới thiệu ngành	2	X	X
7	SE104	Nhập môn công nghệ phần mềm	4	X	
<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>					
<b>Các môn học bắt buộc</b>					
8	EC001	Kinh tế học đại cương	4		X
9	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	4	X	
10	EC208	Quản trị dự án TMĐT	3	X	X
11	IS334	Thương mại điện tử	3	X	X
12	IS207	Phát triển ứng dụng web	4	X	
13	IS252	Khai thác dữ liệu	4	X	
14	EC003	Tiếp thị căn bản	3		X
15	EC301	Tiếp thị trực tuyến	3	X	X
16	EC302	Thiết kế hệ thống TMĐT	3	X	X
17	EC203	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	3	X	X
18	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	3		X
19	IS254	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	X	
20	EC219	Pháp luật trong TMĐT	2	X	X
21	EC335	An toàn và bảo mật TMĐT	3	X	
<b>Các môn học tự chọn (*) các môn chuyên đề tốt nghiệp</b>					
22	EC202	Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng(*)	3	X	X
23	EC331	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử(*)	3	X	X

24	EC332	Quản trị sản xuất	3		X
25	EC333	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3		X
26	EC334	Quản trị kênh phân phối	3		X
27	EC338	Quản trị bán hàng	3		X
28	EC336	Quản trị nhân lực	3		X
29	EC002	Quản trị doanh nghiệp	3		X
30	IS210	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	X	
31	NT118	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	X	
32	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp(*)	4	X	
33	IS404	Kho dữ liệu và OLAP(*)	3	X	
34	IS405	Dữ liệu lớn(*)	4	X	
35	IS403	Phân tích dữ liệu kinh doanh(*)	3	X	X
36	IS353	Mạng xã hội	3	X	
37	IS105	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	4	X	
38	IS332	Hệ thống thông tin quản lý	3	X	
39	EC232	Nguyên lý kế toán	3		X
<b>Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp/Học 3 chuyên đề TN)</b>					
40	EC212	Thực tập tốt nghiệp	2	X	X
41	EC401	Khóa luận tốt nghiệp	10	X	X
<b>Tổng cộng (môn học)</b>				<b>31</b>	<b>23</b>

- Trong đó, giảng viên của trường ĐH Kinh tế - Luật tham gia giảng dạy 23/41 môn (56%), tương đương 71/141TC (50%), các môn bắt buộc chiếm 41/141TC (29%), các môn tự chọn chiếm 30/141TC (21%), tham gia đồng giảng dạy 12/41 môn (29%) tương đương 41/141TC (29%).

- Giảng viên cơ hữu của trường ĐH Công Nghệ Thông Tin phụ trách giảng dạy đào tạo 31/41 môn (44-76%), tương đương 110/141TC (50-78%), các môn bắt buộc chiếm 73/141TC (29-52%), các môn tự chọn chiếm 37/141TC (19-26%).

## 8.2 Bảng mô tả về tỷ lệ các nhóm môn học

(Đã bao gồm các môn tự chọn)

Tên nhóm môn học	Tổng số tín chỉ
Nhóm môn học CNTT	65
Nhóm môn học Kinh tế - Quản lý	64
Nhóm môn học khác	40

- **Danh sách các môn theo nhóm :**

<b>STT</b>	<b>Mã môn học</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>TC</b>
<b>Nhóm môn CNTT</b>			<b>65</b>
1	IT001	Nhập môn lập trình	4
2	IT002	Lập trình hướng đối tượng	4
3	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4
4	IT004	Cơ sở dữ liệu	4
5	IT005	Nhập môn mạng máy tính	4
6	IT009	Giới thiệu ngành	2
7	SE104	Nhập môn công nghệ phần mềm	4
8	IS105	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	4
9	IS207	Phát triển ứng dụng web	4
10	IS210	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4
11	EC302	Thiết kế hệ thống Thương mại điện tử	3
12	IS252	Khai thác dữ liệu	4
13	IS254	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3
14	IS332	Hệ thống thông tin quản lý	3
15	IS404	Kho dữ liệu và OLAP	3
16	IS405	Dữ liệu lớn	4
17	NT118	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3
18	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4
<b>Nhóm môn Kinh tế - Quản lý</b>			<b>64</b>
1	EC001	Kinh tế học đại cương	4
2	EC002	Quản trị doanh nghiệp	3
3	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	4
4	EC202	Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng	3



5	EC203	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	3
6	EC208	Quản trị dự án Thương mại điện tử	3
7	EC219	Pháp luật trong Thương mại điện tử	2
8	EC003	Tiếp thị căn bản	3
9	EC301	Tiếp thị trực tuyến	3
10	EC331	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	3
11	EC332	Quản trị sản xuất	3
12	EC333	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
13	EC334	Quản trị kênh phân phối	3
14	EC335	An toàn và bảo mật TMĐT	3
15	EC336	Quản trị nhân lực	3
16	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	3
17	EC338	Quản trị bán hàng	3
18	IS334	Thương mại điện tử	3
19	IS353	Mạng xã hội	3
20	IS403	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3
21	EC232	Nguyên lý kế toán	3
<b>Nhóm môn học khác</b>			<b>40</b>
1	SS001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin	5
2	SS002	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
3	SS003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	MA006	Giải tích	4
5	MA003	Đại số tuyến tính	3
6	MA004	Cấu trúc rời rạc	4
7	MA005	Xác suất thống kê	3
8	EN001	Anh văn 1	4

9	EN002	Anh văn 2	4
10	EN003	Anh văn 3	4
11	PE001	Giáo dục thể chất 1	
12	PE002	Giáo dục thể chất 2	
13	ME001	Giáo dục quốc phòng	
14	SS004	Kỹ năng nghề nghiệp	2
15	SS006	Pháp luật đại cương	2

### 8.3 Tỷ lệ các khối kiến thức

- Không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

Khối kiến thức		Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương (40TC)</b>	Lý luận chính trị	10	8%
	Toán - Khoa học tự nhiên	14	11%
	Ngoại ngữ	12	9%
	Giáo dục thể chất - Giáo dục Quốc phòng	-	-
	Môn học khác	4	3%
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (81TC)</b>	Cơ sở nhóm ngành	26	20%
	Cơ sở ngành	25	19%
	Chuyên ngành + Tự chọn	30	23%
<b>Khối kiến thức tốt nghiệp (12TC)</b>	Thực tập doanh nghiệp	2	2%
	Khóa luận hoặc 03 môn học chuyên đề tốt nghiệp	10	8%
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa</b>		<b>133</b>	<b>100%</b>

### 8.4 Kiến thức giáo dục đại cương

- Tổng cộng 40 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

STT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	% TH/TC
<b>Các môn lý luận chính trị</b>			<b>10</b>			
1	SS001	Những nguyên lý cơ bản của chủ	5	5	0	0%

		nghĩa Mac-Lênin				
2	SS002	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0	0%
3	SS003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0%
<b>Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên</b>			<b>14</b>			
4	MA006	Giải tích	4	4	0	0%
5	MA003	Đại số tuyến tính	3	3	0	0%
6	MA004	Cấu trúc rời rạc	4	4	0	0%
7	MA005	Xác suất thống kê	3	3	0	0%
<b>Ngoại ngữ</b>			<b>12</b>			
8	EN001	Anh văn 1	4	4	0	0%
9	EN002	Anh văn 2	4	4	0	0%
10	EN003	Anh văn 3	4	4	0	0%
<b>Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng</b>						
11	PE001	Giáo dục thể chất 1				
12	PE002	Giáo dục thể chất 2				
13	ME001	Giáo dục quốc phòng				
<b>Môn học khác</b>			<b>4</b>			
14	SS004	Kỹ năng nghề nghiệp	2	2	0	0%
15	SS006	Pháp luật đại cương	2	2	0	0%

## 8.5 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

- Tổng cộng **81** tín chỉ.

### 8.5.1 Nhóm các môn học cơ sở nhóm ngành (26TC)

- Bắt buộc cho tất cả sinh viên trường Đại học Công nghệ thông tin.

STT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	% TH/TC
16	IT001	Nhập môn lập trình	4	3	1	25%
17	IT002	Lập trình hướng đối tượng	4	3	1	25%
18	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	3	1	25%
19	IT004	Cơ sở dữ liệu	4	3	1	25%
20	IT005	Nhập môn mạng máy tính	4	3	1	25%
21	IT009	Giới thiệu ngành	2	2	0	0%
22	SE104	Nhập môn công nghệ phần mềm	4	3	1	25%

	<b>Tổng cộng</b>	<b>26</b>	<b>20</b>	<b>6</b>	
--	------------------	-----------	-----------	----------	--

### 8.5.2 Nhóm các môn học cơ sở ngành (25TC)

- Các môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Thương mại điện tử.

STT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	% TH/TC
23	EC001	Kinh tế học đại cương	4	4	0	0%
24	EC003	Tiếp thị căn bản	3	3	0	0%
25	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	4	3	1	25%
26	EC208	Quản trị dự án TMĐT	3	3	0	0%
27	IS334	Thương mại điện tử	3	3	0	0%
28	IS207	Phát triển ứng dụng web	4	3	1	25%
29	IS252	Khai thác dữ liệu	4	3	1	25%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>25</b>	<b>22</b>	<b>3</b>	

### 8.5.3 Nhóm môn học bắt buộc ngành Thương mại điện tử (20TC)

STT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	% TH/TC
30	EC301	Tiếp thị trực tuyến	3	2	1	33%
31	EC302	Thiết kế hệ thống TMĐT	3	2	1	33%
32	EC203	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	3	2	1	33%
33	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	3	3	0	0%
34	IS254	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3	0	0%
35	EC219	Pháp luật trong TMĐT	2	2	0	0%
36	EC335	An toàn và bảo mật TMĐT	3	3	0	0%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>17</b>	<b>3</b>	

### 8.5.4 Nhóm các môn tự chọn ngành Thương mại điện tử

- Số tín chỉ tự chọn tối thiểu là **10**. Trong đó sinh viên có thể chọn học **7** tín chỉ các môn ngoài danh sách dưới đây của ngành khác.

STT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	% TH/TC
-----	------------	-------------	----	----	----	---------

37	EC202	Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng <sup>(*)</sup>	3	2	1	33%
38	EC331	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử <sup>(*)</sup>	3	3	0	0%
39	EC332	Quản trị sản xuất	3	3	0	0%
40	EC333	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	3	0	0%
41	EC334	Quản trị kênh phân phối	3	3	0	0%
42	EC338	Quản trị bán hàng	3	3	0	0%
43	EC336	Quản trị nhân lực	3	3	0	0%
44	EC002	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	0%
45	IS210	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	3	1	25%
46	NT118	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	2	1	33%
47	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4	3	1	25%
48	IS404	Kho dữ liệu và OLAP <sup>(*)</sup>	3	3	0	0%
49	IS405	Dữ liệu lớn <sup>(*)</sup>	4	3	1	25%
50	IS403	Phân tích dữ liệu kinh doanh <sup>(*)</sup>	3	3	0	0%
51	IS353	Mạng xã hội	3	3	0	0%
52	IS105	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	4	3	1	25%
53	IS332	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	0%
54	EC232	Nguyên lý kế toán	3	3	0	0%

### 8.5.5 Khối kiến thức tốt nghiệp

- Tổng cộng 12 tín chỉ.

### 8.5.6 Thực tập doanh nghiệp

- Sinh viên bắt buộc phải đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp và thực hiện báo cáo thực tập nộp về Khoa.
- Thực tập doanh nghiệp: 2 tín chỉ

### 8.5.7 Khóa luận tốt nghiệp

- Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ) hoặc học các môn chuyên đề tốt nghiệp thay thế (tổng cộng số tín chỉ các môn học là 10).
- Khóa luận tốt nghiệp (EC401): 10 tín chỉ.

### 8.5.8 Nhóm các môn học chuyên đề tốt nghiệp

- Sinh viên học 3 môn chuyên đề tốt nghiệp (10TC) trong danh sách các môn tự chọn có dấu (\*) hoặc các môn học do Bộ môn đề nghị bổ sung với định hướng phù hợp cho ngành TMĐT.

## 9. Ma trận chuẩn đầu ra với môn học

### 9.1 Các môn học đại cương

STT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra										
		LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10	
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin	✓										
2.	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	✓										
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓										
4.	Giáo dục thể chất	✓										
5.	Giáo dục quốc phòng	✓										
6.	Giải tích	✓										
7.	Anh văn 1										✓	
8.	Anh văn 2										✓	
9.	Anh văn 3										✓	
10.	Đại số tuyến tính	✓										
11.	Cấu trúc rời rạc	✓										
12.	Xác suất thống kê	✓										

### 9.2 Các môn học cơ sở nhóm ngành

STT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra										
		LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10	
13.	Nhập môn lập trình	✓	✓					✓	✓			

14.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		✓					✓	✓		
15.	Cơ sở dữ liệu		✓	✓		✓		✓	✓		
16.	Lập trình hướng đối tượng		✓	✓		✓		✓	✓		
17.	Nhập môn mạng máy tính		✓	✓		✓		✓	✓		
18.	Giới thiệu ngành		✓				✓	✓	✓		
19.	Nhập môn công nghệ phần mềm		✓				✓	✓	✓		

### 9.3 Các môn học cơ sở ngành

STT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra									
		LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10
20.	Thương mại điện tử		✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓
21.	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp		✓	✓		✓		✓	✓		✓
22.	Quản trị dự án TMĐT		✓	✓		✓		✓	✓		✓
23.	Phát triển ứng dụng web		✓	✓		✓		✓	✓		✓
24.	Kinh tế học đại cương		✓								✓
25.	Tiếp thị căn bản		✓								✓
26.	Khai thác dữ liệu		✓	✓	✓						✓

### 9.4 Các môn học chuyên ngành

STT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra									
		LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10
27.	Tiếp thị trực tuyến		✓	✓		✓		✓	✓		✓
28.	Thiết kế hệ thống		✓	✓		✓		✓	✓		✓

	TMĐT										
29.	Hệ hỗ trợ ra quyết định		✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓
30.	Quản trị quan hệ khách hàng và NCC		✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓
31.	Hệ thống thanh toán trực tuyến		✓	✓		✓		✓	✓		✓
32.	Pháp luật trong TMĐT		✓								✓
33.	An toàn và bảo mật TMĐT		✓								✓
34.	Khóa luận tốt nghiệp		✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓

### 9.5 Các môn học khác

STT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra									
		LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10
35.	Kỹ năng nghề nghiệp		✓	✓	✓	✓	✓				✓
36.	Pháp luật đại cương	✓									✓

### 9.6 Các môn học tự chọn

STT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra									
		LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8	LO 9	LO 10
37.	Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng		✓	✓		✓		✓	✓		✓
38.	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử		✓	✓		✓		✓	✓		✓
39.	Quản trị sản xuất		✓	✓		✓		✓	✓		✓
40.	Quản trị tài chính doanh nghiệp		✓	✓		✓		✓	✓		✓
41.	Quản trị kênh phân phối		✓	✓		✓		✓	✓		✓



42.	Quản trị bán hàng		✓	✓		✓		✓	✓		✓
43.	Quản trị nhân lực		✓	✓		✓		✓	✓		✓
44.	Quản trị doanh nghiệp		✓	✓		✓		✓	✓		✓
45.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu		✓	✓		✓		✓	✓		
46.	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động		✓	✓		✓		✓	✓		
47.	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp		✓	✓		✓		✓	✓		✓
48.	Kho dữ liệu và OLAP		✓	✓		✓		✓	✓		✓
49.	Khai thác dữ liệu		✓	✓	✓	✓		✓	✓		
50.	Dữ liệu lớn		✓	✓		✓		✓	✓		✓
51.	Phân tích dữ liệu kinh doanh		✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓
52.	Mạng xã hội		✓	✓		✓		✓	✓		
53.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle		✓	✓		✓		✓	✓		
54.	Hệ thống thông tin quản lý		✓	✓		✓		✓	✓		✓
55.	Nguyên lý kế toán	✓	✓	✓		✓		✓	✓		✓

## 10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

GIAI ĐOẠN I: 54 TC						
	Mã môn	Tên môn	TC	LT	TH	% TH/TC
Học kỳ 1	IT001	Nhập môn lập trình	4	3	1	25%
	MA006	Giải tích	4	4	0	0%

	MA003	Đại số tuyến tính	3	3	0	0%
	IT009	Giới thiệu ngành	2	2	0	0%
	EN001	Anh Văn 1	4	4	0	0%
	PE001	Giáo dục thể chất 1				
	ME001	Giáo dục quốc phòng				
		<b>Tổng số tín chỉ HK1</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	
<b>Học kỳ 2</b>	IT002	Lập trình hướng đối tượng	4	3	1	25%
	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	3	1	25%
	EC001	Kinh tế học đại cương	4	4	0	0%
	SS004	Kỹ năng nghề nghiệp	2	2	0	0%
	EN002	Anh Văn 2	4	4	0	0%
	PE002	Giáo dục thể chất 2				
		<b>Tổng số tín chỉ HK2</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>2</b>	
<b>Học kỳ 3</b>	IT004	Cơ sở dữ liệu	4	3	1	25%
	IT005	Nhập môn mạng máy tính	4	3	1	25%
	MA004	Cấu trúc rời rạc	4	4	0	0%
	MA005	Xác suất thống kê	3	3	0	0%
	EN003	Anh Văn 3	4	4	0	0%
			<b>Tổng số tín chỉ HK3</b>	<b>19</b>	<b>17</b>	<b>2</b>
<b>GIAI ĐOẠN II: 79 TC</b>						
	<b>Mã môn</b>	<b>Tên môn</b>	<b>TC</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>	
<b>Học kỳ 4</b>	SE104	Nhập môn công nghệ phần mềm	4	3	1	25%
	IS207	Phát triển ứng dụng web	4	3	1	25%
	IS334	Thương mại điện tử	3	3	0	0%
	EC003	Tiếp thị căn bản	3	3	0	0%
	SS002	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0	0%
			<b>Tổng số tín chỉ HK4</b>	<b>17</b>	<b>15</b>	<b>2</b>
<b>Học kỳ 5</b>	IS252	Khai thác dữ liệu	4	3	1	25%
	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	4	3	1	25%

	EC203	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung	3	2	1	33%
	SS003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0%
		Tự chọn	4	4	0	0%
		<b>Tổng số tín chỉ HK5</b>	<b>17</b>	<b>14</b>	<b>3</b>	
<b>Học kỳ 6</b>	EC301	Tiếp thị trực tuyến	3	2	1	33%
	EC302	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	3	2	1	33%
	IS254	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3	0	0%
	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	3	3	0	0%
	SS006	Pháp luật đại cương	2	2	0	0%
		Tự chọn	3	3	0	0%
			<b>Tổng số tín chỉ HK6</b>	<b>17</b>	<b>15</b>	<b>2</b>
<b>Học kỳ 7</b>	EC212	Thực tập doanh nghiệp	2	2	0	0%
	EC219	Pháp luật trong thương mại điện tử	2	2	0	0%
	EC335	An toàn và bảo mật TMĐT	3	3	0	0%
	EC208	Quản trị dự án TMĐT	3	3	0	0%
	SS001	Những nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác Lênin	5	5	0	0%
		Tự chọn	3	3	0	0%
			<b>Tổng số tín chỉ HK7</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>
<b>Học kỳ 8</b>	Sinh viên chọn một trong hai hình thức sau:					
	EC401	Khóa luận tốt nghiệp (EC401) hoặc học 10 tín chỉ tổng cộng cho các môn học thuộc chuyên đề tốt nghiệp.	10	10	0	0%
		<b>Tổng số tín chỉ HK8</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	

## **11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học**

### **11.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương**

#### **11.1.1 Anh văn 1**

- Tên tiếng Anh: English 1
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Môn học gồm 8 bài học (Units 01 – 08) bao gồm các hoạt động và bài tập về từ vựng, ngữ pháp, nghe hiểu, đọc hiểu, và viết dựa trên các chủ đề Gia đình và bạn bè, Mua sắm, Ăn uống, Nghề nghiệp, Thư giãn, Chỗ ở, Cơ thể và tinh thần, Các nơi chốn và phương tiện giao thông.

#### **11.1.2 Anh văn 2**

- Tên tiếng Anh: English 2
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Môn học gồm 8 bài học (Units 09 – 16) bao gồm các hoạt động và bài tập về từ vựng, ngữ pháp, nghe hiểu, đọc hiểu, và viết dựa trên các chủ đề: Khoa học và tự nhiên, trường học, nơi sinh sống, điện thoại, văn hóa, đồ vật, tiền tệ, và lịch sử.

#### **11.1.3 Anh văn 3**

- Tên tiếng Anh: English 3
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Môn học gồm 14 bài học (Units 01 – 14) và bài kiểm tra đầu khóa, cuối khóa. Bài học bao gồm các hướng dẫn từng phần được kiểm tra trong bài test TOEIC như các điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe và đọc. Giảng viên cũng phân tích bài thi TOEIC và cung cấp các chiến thuật cũng như cách thức kỹ năng làm bài cho sinh viên. Ngoài ra sinh viên còn được yêu cầu làm bài tập để rèn kỹ năng.

#### **11.1.4 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin**

- Tên tiếng Anh: The principles of Marx - Leninism
- Số tín chỉ: 5
- Tóm tắt nội dung: Sinh viên sau khi hoàn thành môn học có thể xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung để tiếp cận khoa học chuyên ngành được đào tạo.

### 11.1.5 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam

- Tên tiếng Anh: Vietnam Communist Party's Revolution Directions
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác; Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận khoa học ngành được đào tạo.

### 11.1.6 Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh Theory
- Số tín chỉ: 2
- Tóm tắt nội dung: môn học cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

### 11.1.7 Giải tích

- Tên tiếng Anh: Analytics
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: môn Giải tích là môn học ở giai đoạn kiến thức đại cương, là môn học bắt buộc đối với tất cả sinh viên. Môn học này giúp cho SV có kiến thức cơ bản về phép tính vi phân hàm nhiều biến; phép tính tích phân hàm nhiều biến (tích phân bội); tích phân đường, tích phân mặt; cũng như là kỹ năng khảo sát chuỗi số, chuỗi hàm, tích phân suy rộng,... cùng với việc nhận dạng và giải quyết một số phương trình vi phân cấp một, cấp cao,... để từ đó SV có thể tiếp tục học tập những môn chuyên ngành, hay phục vụ cho quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.

### 11.1.8 Đại số tuyến tính

- Tên tiếng Anh: Linear Algebra
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: cung cấp những kiến thức về Ma trận, hạng, định thức, hệ phương trình tuyến tính. Cách giải hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Cramer,

phương pháp Gauss, phương pháp Gauss-Jordan; Không gian vector, sự phụ thuộc, độc lập tuyến tính, tập sinh, cơ sở và số chiều của không gian vector; Ma trận chéo hóa và ý nghĩa của việc chéo hóa ma trận; Ánh xạ tuyến tính, toán tử tuyến tính, dạng toàn phương và phép đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc. Sinh viên sau khi hoàn thành môn học có thể nắm được kiến thức cơ bản để có thể học tốt các ngành kỹ thuật có sử dụng các kiến thức này; Có các kỹ năng tư duy, phân tích, phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng mô hình hóa các bài toán kỹ thuật bằng toán học.

### **11.1.9 Cấu trúc rời rạc**

- Tên tiếng Anh: Discrete structures
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ sở về Toán rời rạc (Cơ sở logic; Các phương pháp đếm; Quan hệ; Đại số Bool) và Lý thuyết đồ thị (Các khái niệm cơ bản của lý thuyết đồ thị; Đồ thị và cây). Sinh viên sau khi hoàn thành môn học có thể trình bày được kiến thức cơ bản về Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị cùng các ứng dụng của chúng; có kỹ năng suy luận logic trong việc học tập và giải quyết các bài toán cơ bản trong khoa học và kỹ thuật máy tính; có khả năng phát biểu, trình bày, mô tả một câu hỏi hoặc vấn đề thực tiễn bằng cách áp dụng ngôn ngữ hoặc các mô hình toán học rời rạc; có khả năng nhận thức và áp dụng được suy luận logic trong việc xây dựng các ứng dụng thực tiễn.

### **11.1.10 Xác suất thống kê**

- Tên tiếng Anh: Probability & Statistics
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học này trình bày các khái niệm và phương pháp về lý thuyết xác suất (Không gian xác suất; Biến ngẫu nhiên; Hàm đặc trưng; Dãy các biến ngẫu nhiên; Các quy luật phân phối xác suất; Các định lý giới hạn phân phối xác suất) và Thống kê (Mẫu ngẫu nhiên; Ước lượng điểm và ước lượng khoảng; Kiểm định các giả thiết thống kê; Phân tích tương quan và hồi quy; Một số vấn đề về quá trình ngẫu nhiên). Giới thiệu về cách thức nhận diện, phân tích và xử lý một vấn đề thực tế; xử lý các số liệu thống kê; để từ đó đưa ra các suy luận phù hợp (nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định).

### **11.1.11 Kỹ năng nghề nghiệp**

- Tên tiếng Anh: Professional skills
- Số tín chỉ: 2
- Môn học cung cấp các kỹ năng hỗ trợ năng lực chuyên môn và nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT cần thiết cho sinh viên trường Đại học Công nghệ Thông tin. Trên cơ sở

phương pháp luận tiếp cận hệ thống, nội dung môn học hướng sinh viên tới việc chủ động thực hiện quá trình học và tự học đại học và tốt nghiệp với phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu làm việc của xã hội: Kỹ năng đọc, nghe và ghi chép, kỹ năng đối thoại, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quan sát, nhận diện và giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình và điều khiển cuộc họp, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng soạn thảo văn bản, viết báo cáo.

### **11.1.12 Pháp luật đại cương**

- Tên tiếng Anh: Introduction to Law
- Số tín chỉ: 2
- Môn học nằm trong khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Môn học hướng đến việc trang bị những kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật cho người học. Qua đó, người học có những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật hướng đến việc hình thành kỹ năng sống và thái độ sống chuẩn mực theo hiến pháp và pháp luật.

## **11.2 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

### **11.2.1 Nhập môn lập trình**

- Tên tiếng Anh: Introduction to programming
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về thuật toán, lưu đồ, mã giả, chương trình, trình dịch, môi trường thực thi; các kiểu dữ liệu cơ sở, các phép toán và những cấu trúc điều khiển cơ bản của một ngôn ngữ lập trình.

### **11.2.2 Lập trình hướng đối tượng**

- Tên tiếng Anh: Object Oriented Programming
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: cung cấp cho sinh viên các khái niệm và phương pháp lập trình hướng đối tượng, trình bày các nguyên lý của thiết kế hướng đối tượng, tính kế thừa, đa hình và lập trình interface... và cách thức trao đổi và truyền thông giữa các đối tượng. Có khả năng sử dụng ngôn ngữ lập trình C++, C#,.. để giải quyết một số vấn đề căn bản trong thực tiễn.

### **11.2.3 Cấu trúc dữ liệu và giải thuật**

- Tên tiếng Anh: Data structures and Algorithms
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: cung cấp kiến thức về cách tổ chức lưu trữ và các giải thuật như các cấu trúc dữ liệu và thông tin, xử lý danh sách, xử lý cây, tìm kiếm, sắp xếp.

#### **11.2.4 Cơ sở dữ liệu**

- Tên tiếng Anh: Fundamentals of Database Systems
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: cung cấp các kiến thức về cơ sở dữ liệu như: khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ; Các phép toán đại số quan hệ; Ngôn ngữ SQL; Ngôn ngữ tân từ, Các ràng buộc toàn vẹn trên một sở dữ liệu; các khái niệm khóa, siêu khóa, phụ thuộc hàm, dạng chuẩn,....Quản trị bên trong cơ sở dữ liệu, môi trường khách/chủ.

#### **11.2.5 Nhập môn mạng máy tính**

- Tên tiếng Anh: Computer networks
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Môn Mạng máy tính cung cấp những khái niệm tổng quan về mạng máy tính, bao gồm mô hình tham chiếu OSI, TCP/IP và các chuẩn mạng; những khái niệm, nguyên lý cơ bản về tín hiệu, truyền tín hiệu. Sinh viên được tìm hiểu sâu về mô hình TCP/IP như các giao thức trong các tầng đặc biệt là tầng mạng và tầng vận chuyển. Ngoài ra sinh viên cũng được làm quen với các dịch vụ mạng cơ bản, kỹ thuật mạng không dây và bảo mật mạng.

#### **11.2.6 Giới thiệu ngành**

- Tên tiếng Anh: Introduction to IT
- Số tín chỉ: 2
- Tóm tắt nội dung: Môn học giúp sinh viên hiểu rõ ngành Thương mại điện tử và cách tiếp cận với môi trường tác nghiệp, chức năng, nhiệm vụ của người Cử nhân Thương mại điện tử. Môn học giới thiệu về CNTT tổng quát, chuyên sâu ngành và những yêu cầu của cấp độ đào tạo Cử nhân TMĐT. Trên cơ sở phương pháp luận tiếp cận hệ thống, nội dung môn học hướng sinh viên tới việc chủ động thực hiện quá trình tự đào tạo chính mình để trở thành một Cử nhân có phẩm chất đạo đức, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu của xã hội.

#### **11.2.7 Nhập môn Công nghệ phần mềm**

- Tên tiếng Anh: Introduction of Software Technology
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Trình bày đặc điểm cơ bản của chu trình sống phần mềm. Các công cụ, phương pháp kỹ thuật, và quản lý kiểm soát cho việc phát triển và duy trì các hệ thống phần mềm lớn. Các mô hình và công cụ đo đạc. Nhân tố con người và kiểm định hệ thống.



### **11.2.8 Kinh tế học đại cương**

- Tên tiếng Anh: Principle of Economic
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

### **11.2.9 Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp**

- Tên tiếng Anh: Business Process Modeling
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp kiến thức về các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp. Mô hình hóa các quy trình nghiệp vụ, tối ưu hóa quy trình và áp dụng vào các hệ thống ERP. Kiến thức về quản trị sự thay đổi nhằm áp dụng vào tái cơ cấu hệ thống doanh nghiệp.

### **11.2.10 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu**

- Tên tiếng Anh: Database Manegment Systems
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm cơ bản về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu (HQTCSDL): các thành phần của một HQTCSDL và chức năng của chúng, các cơ chế quản lý truy xuất đồng thời, an toàn và khôi phục dữ liệu sau sự cố, tối ưu hoá câu truy vấn cũng như các cấu trúc tổ chức lưu trữ và các phương thức truy xuất tương ứng. Trình bày giải pháp cài đặt cụ thể trên một số HQTCSDL thương mại như: SQL-Server, Oracle, DB2, MySQL.

### **11.2.11 Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng**

- Tên tiếng Anh: Introduction of Suply Chain Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp Kiến thức về quản trị Logistics, làm nền tảng cho quản trị chuỗi cung ứng. Các hệ thống ERP hỗ trợ cho công tác hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.

### **11.2.12 Thương mại điện tử**

- Tên tiếng Anh: E-Commerce
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Vai trò, chức năng của Thương mại điện tử trong hoạt động của Doanh nghiệp. Các chiến lược kinh doanh và ứng dụng cho Thương mại điện tử bao gồm: bán hàng trực tuyến, Marketing trực tuyến, B2B, B2C, Kinh doanh mạng xã hội,

Thương mại trên thiết bị di động, thanh toán điện tử, chính phủ điện tử. Kiến trúc hạ tầng Thương mại điện tử. An toàn và bảo mật thông tin cho các giao dịch trực tuyến.

### **11.2.13 Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp**

- Tên tiếng Anh: Customer Relationship Management / Supplier Relationship Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Kiến thức về cách thức kết nối với khách hàng và nhà cung cấp bằng các phương tiện Internet (Email, website, forum, Chat, CRM, SRM...). Giải pháp và kỹ thuật cốt yếu để giữ gìn mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp. Đảm bảo sự xuyên suốt của dòng thông tin cũng như sản phẩm từ nhà cung cấp, tới nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng.

### **11.2.14 Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp**

- Tên tiếng Anh: ERP (Enterprise Resource Planning)
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về một hệ thống ERP. Các thành phần chính của ERP cũng được giới thiệu trong môn học này. Thông qua đó, sinh viên có thể nhận thấy được tầm quan trọng của ERP, điều kiện để triển khai về nền tảng công nghệ cũng như về qui mô và phạm vi hoạt động của các tổ chức/doanh nghiệp.

### **11.2.15 Nguyên lý kế toán**

- Tên tiếng Anh: Principle of accounting
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kế toán: nguyên tắc kế toán, phân loại kế toán yêu cầu của kế toán, giới thiệu hệ thống các quy định và hướng dẫn thực hiện của Luật Kế toán và Thông tư của Bộ tài chính, các phương pháp của kế toán: tổng hợp và cân đối kế toán, tài khoản kế toán, Chứng từ kế toán, Sổ sách và hình thức kế toán. Đồng thời hướng dẫn sinh viên cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

### **11.2.16 Phát triển ứng dụng web**

- Tên tiếng Anh: Web application development with open sources
- Số tín chỉ: 4
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp lập trình web động với ngôn ngữ lập trình PHP và trình quản trị cơ sở dữ liệu MySQL (ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở được sử dụng rộng rãi trên thế giới); kỹ thuật lập

trình Ajax trong PHP; một số Framework hỗ trợ viết web bằng PHP. Thiết kế và triển khai các ứng dụng web trong thực tế bằng ngôn ngữ lập trình web PHP, vận hành và bảo trì website.

### **11.2.17 Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động**

- Tên tiếng Anh: Mobile Application Development
- Số tín chỉ: 3
- Các nội dung bao gồm: Giới thiệu về tính toán di động khắp mọi nơi, tính toán cảm ứng cảnh, giới thiệu hệ điều hành Android và các phương pháp lập trình trên Android. Các phương pháp lập trình nâng cao: đa luồng, đa hành vi, kết nối SQLite, Web Services. Khái niệm cross platform, thiết kế web di động, ứng dụng cho Điện thoại di động. Đánh dấu cho điện thoại di động. Web Apps di động và tính năng thiết bị từ Web Apps. Giới thiệu PhoneGap. Bản địa hóa ứng dụng.

### **11.2.18 Tiếp thị trực tuyến**

- Tên tiếng Anh: E-Marketing
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp những kiến thức Marketing hiện đại, bên cạnh việc sử dụng Internet để làm công cụ đưa sản phẩm ra thị trường. Kiến thức về lập kế hoạch E-Marketing (E-Marketing Mix) sử dụng chiến lược giá trực tuyến, các quảng cáo trực tuyến, khuyến mãi, và các kênh phân phối internet để chiếm thị phần, hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

### **11.2.19 Thiết kế hệ thống Thương mại điện tử**

- Tên tiếng Anh: E-Commerce System Design
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp các kiến thức về việc phân tích thiết kế các mô hình kinh doanh điện tử. Kiến thức về hệ thống bán hàng online, thanh toán và an toàn mạng.

### **11.2.20 Kho dữ liệu và OLAP**

- Tên tiếng Anh: Data warehouse and OLAP
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm nền tảng về Kho dữ liệu, những đặc tính và kiến trúc cũng như cách tổ chức kho dữ liệu, các ứng dụng thực tế của kho dữ liệu và công cụ phân tích trực tuyến OLAP. Trong đó, bao gồm các vấn đề liên quan đến việc hoạch định, thiết kế, xây dựng, khai thác và bảo trì kho dữ liệu; CSDL đa chiều và các mô hình dữ liệu đa chiều (luận lý và logic), ngôn ngữ truy vấn cơ sở dữ liệu đa chiều (MDX).

### **11.2.21 Hệ thống thanh toán trực tuyến**

- Tên tiếng Anh: E-Payment System
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu các mô hình thanh toán truyền thống và hiện đại. Các vấn đề về an toàn và bảo mật thông tin thanh toán. Tích hợp các phương thức thanh toán trực tuyến vào hệ thống quản trị bán hàng và tài chính doanh nghiệp.

### **11.2.22 Quản trị sản xuất**

- Tên tiếng Anh: Production & Manufacturing Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm, mô hình sản xuất và quản trị sản xuất theo Kanban, Lean, 6 Sigma, hoạch định nguồn lực bằng ERP.

### **11.2.23 Quản trị tài chính doanh nghiệp**

- Tên tiếng Anh: Finance & Controlling Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, ra quyết định đầu tư trong điều kiện có rủi ro, cấu trúc vốn, phân chia cổ tức, phân tích báo cáo tài chính, dự báo và lên kế hoạch tài chính, phân tích các dự án để ra quyết định đầu tư dài hạn đến phân tích các nguồn tài trợ sẵn có để quyết định phương án huy động vốn

### **11.2.24 Quản trị nhân lực**

- Tên tiếng Anh: Human resource Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

### **11.2.25 Phân tích dữ liệu kinh doanh**

- Tên tiếng Anh: Data Analysis in Business
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học nhằm cung cấp các kỹ thuật phân tích dữ liệu cần thiết cho việc thực hiện phân tích dữ liệu trong nghiên cứu, các dữ liệu trong kinh doanh. Sinh viên được trang bị kiến thức kiến thức nền tảng của các công thức toán học cần thiết, từ các tình huống gần gũi trong thực tế, dưới dạng các ứng dụng trong kinh doanh, thực hành trên các phần mềm EVIEWS, SPSS...

### **11.2.26 Hệ quản trị CSDL Oracle**

- Tên tiếng Anh: Oracle Database Management System
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học này cung cấp các khái niệm và các kỹ thuật liên quan đến quản trị và lập trình cơ sở dữ liệu Oracle. Chủ đề của môn học bao gồm: ngôn ngữ thủ tục PL/SQL, kiến trúc cơ sở dữ liệu Oracle, quản lý instance, quản lý lưu trữ, giao tác. Tìm hiểu cơ sở dữ liệu hướng đối tượng, ngôn ngữ truy vấn XML trong Oracle, kho dữ liệu & OLAP, ..

### **11.2.27 Hệ thống thông tin quản lý**

- Tên tiếng Anh: Management Information Systems
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Cung cấp những khái niệm cơ sở về hệ thống thông tin quản lý, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống trong tổ chức; những phương thức mà hệ thống trợ giúp các hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh; quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin; nghiên cứu một vài hệ thống thông tin tiêu biểu dưới dạng nghiên cứu tình huống (Case Study)

### **11.2.28 Pháp luật trong Thương mại điện tử**

- Tên tiếng Anh: Law in E-Commerce
- Số tín chỉ: 2
- Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức về pháp luật nói chung và các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế đối với lĩnh vực CNTT và Thương mại điện tử.

### **11.2.29 Hệ hỗ trợ ra quyết định**

- Tên tiếng Anh: Decision Support Systems

- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học này dùng cho sinh viên ngành Hệ thống thông tin quản lý (MIS) và Thương mại điện tử (EC). Môn học nhằm cung cấp những khái niệm, kiến thức, kỹ năng để xây dựng và phát triển hệ hỗ trợ ra quyết định. Môn học này là sự kết nối tổng hợp của nhiều môn học khác nhau: mô hình toán, cơ sở dữ liệu, hệ chuyên gia, hệ nơ-ron, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, khoa học về quản lý, giao diện người dùng, kỹ thuật đồ họa, kỹ thuật lập trình và một số ngành khoa học nghiên cứu về tâm lý và thái độ của nhà quản lý.

### **11.2.30 Quản trị kênh phân phối**

- Tên tiếng Anh: Distribution Channel Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Giới thiệu các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành hệ thống phân phối sản phẩm (chuỗi các nhà phân phối, đại lý, cửa hàng) được áp dụng trong các doanh nghiệp. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản chính: vai trò, tầm quan trọng của hệ thống phân phối đối với doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp đề ra, việc thiết kế kênh phân phối được tiến hành ra sao?, chọn lựa và đánh giá các thành viên trong hệ thống phân phối như thế nào?, chính sách, biện pháp để kích thích các thành viên trong hệ thống phân phối hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất theo mục tiêu đề ra... Bên cạnh việc cung cấp lý thuyết, các tình huống thực tế của một số doanh nghiệp lớn trên thị trường Việt Nam sẽ được giảng viên đưa ra để sinh viên thảo luận nhằm để đánh giá các tình huống.

### **11.2.31 Quản trị bán hàng**

- Tên tiếng Anh: Sale Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng, nhận thức về người quản lý bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.

### **11.2.32 An toàn và bảo mật Thương mại điện tử**

- Tên tiếng Anh: Safety and security in Electronic Commerce
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học tập trung vào hai phần chính là an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu trong Thương mại điện tử. Trong phần bảo mật dữ liệu, học viên được cung cấp kiến thức về mã hóa thông tin và ứng dụng. Trong phần an toàn dữ liệu, học viên sẽ

được cung cấp kiến thức về an toàn thông tin và cách dùng chúng để bảo vệ hệ điều hành, hệ thống mạng, hệ thống phần mềm.

### **11.2.33 Khai thác dữ liệu**

- Tên tiếng Anh: Data Mining
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về khai phá dữ liệu và quá trình khám phá tri thức, các giai đoạn chính của quá trình khai phá dữ liệu và khám phá tri thức. Sinh viên được trang bị các kỹ thuật chính trong khai thác dữ liệu như phân lớp, phân cụm, hồi quy, chuỗi thời gian, luật kết hợp... cũng như cách sử dụng các công cụ hỗ trợ xây dựng các ứng dụng khai phá dữ liệu.

### **11.2.34 Quản trị doanh nghiệp**

- Tên tiếng Anh: Business Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: cung cấp cho sinh viên các lý thuyết cơ sở về quản trị học, các hoạt động của doanh nghiệp bao gồm quản trị tài chính, kinh doanh, nhân sự, sản xuất, nguồn cung ứng.

### **11.2.35 Dữ liệu lớn**

- Tên tiếng Anh: Big data
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu tổng quan thế nào là dữ liệu lớn và những thách thức của dữ liệu lớn (khả năng phân tích, xử lý). Giới thiệu những kỹ thuật R statistics, Hadoop và Map reduce để trực quan hóa và phân tích dữ liệu lớn và tạo ra các mô hình thống kê.

### **11.2.36 Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử**

- Tên tiếng Anh: Electronic Business Strategy Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược bằng công cụ thể điểm cân bằng, bảng đồ chiến lược. Cách thức hoạch định, tổ chức, thực thi và kiểm tra việc vận hành doanh nghiệp theo chiến lược điện tử.

### **11.2.37 Mạng xã hội**

- Tên tiếng Anh: Social network
- Số tín chỉ: 3

- Tóm tắt nội dung: Khóa học nhằm mục đích giới thiệu sinh viên phân tích mạng xã hội trên cả hai mạng lưới tĩnh và động. Nửa đầu của khóa học sẽ giới thiệu các sinh viên làm thế nào để phân tích một mạng tĩnh bằng cách sử dụng số liệu và ý nghĩa của các kết quả thu được dựa trên sự phân tích này. Nửa sau của khóa học sẽ tập trung vào phân tích mạng lưới động. Mô hình mạng lưới ngẫu nhiên và các số liệu thống kê sẽ được nêu rõ. Việc hình thành mạng lưới chiến lược cũng sẽ được giới thiệu. Mạng được hình thành là một trong những đề tài nghiên cứu phổ biến nhất trong phân tích mạng xã hội (social network analysis - SNA). Hình thành lý thuyết trò chơi (mạng) để giải quyết các vấn đề như cân bằng, ổn định, thương lượng, chuyển giao, phối hợp lựa chọn và thích ứng với những thay đổi mạng. Sử dụng phần mềm Pajek giúp các sinh viên đo và hiển thị dữ liệu mạng. Sinh viên sẽ thực hành sử dụng phần mềm này qua các bài tập.

### **11.2.38 Quản trị dự án TMĐT**

- Tên tiếng Anh: E-Commerce Project Management
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: trình bày các khía cạnh quan trọng để triển khai thành công một đề án TMĐT bao gồm hành vi, chiến lược, kỹ thuật, định lượng, truyền thông. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến việc quản lý và thực hiện dự án TMĐT đồng thời đề cập tới những yêu cầu kỹ năng của người quản lý dự án so với yêu cầu quản lý kỹ thuật.

### **11.2.39 Tiếp thị căn bản**

- Tên tiếng Anh: Fundamental Marketing
- Số tín chỉ: 3
- Tóm tắt nội dung: Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm, tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing đối với các doanh nghiệp. Cung cấp kiến thức về môi trường Marketing, hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp, cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường, nắm được chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến, lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát Marketing. Cách thức hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một kế hoạch Marketing.

## **11.3 Khối kiến thức tốt nghiệp**

Danh sách các môn tự chọn có dấu (\*) trong khối kiến thức chuyên nghiệp hoặc các môn học do Bộ môn đề nghị bổ sung với định hướng phù hợp cho ngành TMĐT.



## 12. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

### 12.1 Giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Năm cấp bằng	Môn giảng
1	Dương Tôn Đảm	1952	TS, Toán	1985	- Giải tích - Xác suất thống kê
2	Đỗ Văn Nhon	1962	TS, Toán-Tin PGS, Tin học	2003	- Đại số tuyến tính - Cấu trúc rời rạc
3	Trần Vĩnh Phước	1953	TS, Toán-Tin PGS, Tin học	1994 2002	- Cơ sở dữ liệu
4	Đỗ Phúc	1958	TS, Toán-Tin PGS, Tin học	1993 2007	- Mạng xã hội - Khai thác dữ liệu - Hệ thống thông tin quản lý
5	Nguyễn Đình Thuân	1963	PGS, TS, CNTT	2005, 2015	- Phân tích dữ liệu kinh doanh - Giới thiệu ngành - Thương mại điện tử - Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử
6	Đàm Quang Hồng Hải	1962	TS, Tin học	2007	- Nhập môn Mạng máy tính - Luật CNTT
7	Nguyễn Tuấn Đặng	1972	TS, Tin học	2007	- Nhập môn lập trình - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
8	Vũ Đức Lung	1974	PGS, TS, Tin học	2006, 2015	- Hệ điều hành - Kiến trúc máy tính
9	Dương Minh Đức	1974	TS, CNTT	2014	- Hệ hỗ trợ ra quyết định - Thương mại điện tử - An toàn và bảo mật thương mại điện tử - Khai thác dữ liệu - Phân tích dữ liệu kinh doanh - Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử - Quản trị dự án TMĐT
10	Vũ Thanh Nguyễn	1969	TS, Tin học	1997	- Nhập môn công nghệ phần mềm

<b>STT</b>	<b>Họ và tên cán bộ giảng dạy</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo</b>	<b>Năm cấp bằng</b>	<b>Môn giảng</b>
					- Lập trình hướng đối tượng
11	Đình Khắc Quyền	1957	ThS, Tin học	1996	- Nguyên lý kế toán - Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp
12	Nguyễn Thị Kim Phụng	1978	ThS, Tin học	2006	- Kho dữ liệu và OLAP - Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp
13	Đỗ Thị Minh Phụng	1977	ThS, Tin học	2005	- Cơ sở dữ liệu - Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
14	Nguyễn Đình Loan Phương	1978	ThS, Tin học	2006	- Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
15	Trịnh Minh Tuấn	1959	ThS, Tin học	2006	- Cơ sở dữ liệu
16	Nguyễn Văn Xanh	1972	ThS, GIS	2005	- Cơ sở dữ liệu
17	Phạm Văn Hậu	1980	TS, CNTT	2010	- An toàn và bảo mật TMĐT
18	Nguyễn Văn Toàn	1979	ThS, Tin học	2005	- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Nhập môn lập trình
19	Trương Thu Thủy	1985	ThS, Tin học	2011	- Hệ quản trị CSDL Oracle - Kho dữ liệu và OLAP
20	Thái Bảo Trân	1973	ThS, Tin học	2005	- Hệ quản trị CSDL - Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp
21	Mai Xuân Hùng	1979	ThS, Tin học	2007	- Phát triển ứng dụng Web - Cơ sở dữ liệu
22	Hồ Trần Nhật Thủy	1988	ThS, Tin học	2012	- Kho dữ liệu và OLAP - Điện toán đám mây
23	Lê Ngô Thục Vi	1984	ThS, Tin học	2010	- Phân tích thiết kế quy trình

<b>STT</b>	<b>Họ và tên cán bộ giảng dạy</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo</b>	<b>Năm cấp bằng</b>	<b>Môn giảng</b>
					nghiệp vụ doanh nghiệp - Cơ sở dữ liệu
24	Nguyễn Anh Tuấn	1976	TS, Tin học	2012	- Phát triển ứng dụng di động - Nhập môn Mạng máy tính
25	Ngô Thanh Hùng	1980	TS, Tin học	2008	- Điện toán đám mây - Dữ liệu lớn (Big Data) - Mạng xã hội
26	Đỗ Duy Thanh	1979	ThS, Business Information	2011	- Thương mại điện tử - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Thiết kế hệ thống TMĐT - Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng - Quản trị kênh phân phối
27	Nguyễn Gia Tuấn Anh	1964	TS, CNTT	2013	- Cơ sở dữ liệu
28	Mai Văn Cường	1968	ThS, Tin Học	2000	- Cơ sở dữ liệu
29	Nguyễn Tấn Trần Minh Khang	1974	TS, CNTT	2014	- Nhập môn lập trình - Lập trình hướng đối tượng
30	Tạ Kim Hoàng	1989	ThS, Anh văn	2014	- Anh văn 1,2,3
31	Tất Dương Khánh Linh	1977	ThS, Anh văn	2009	- Anh văn 1,2,3
32	Trình Trọng Tín	1987	ThS, Quản lý CNTT	2014	- Hệ thống thanh toán trực tuyến - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Phát triển ứng dụng Web - Phân tích và thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp - Thiết kế hệ thống TMĐT - Quản trị dự án TMĐT

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Năm cấp bằng	Môn giảng
33	Văn Đức Sơn Hà	1986	ThS, CNTT	2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp</li> <li>- Tiếp thị trực tuyến</li> <li>- Mạng xã hội</li> <li>- Kho dữ liệu và OLAP</li> <li>- Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng</li> <li>- Quản trị kênh phân phối</li> <li>- Quản trị dự án TMĐT</li> </ul>
34	Huỳnh Đức Huy	1991	ThS, CNTT	2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp</li> <li>- Thương mại điện tử</li> <li>- Kho dữ liệu và OLAP</li> <li>- Dữ liệu lớn</li> <li>- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu</li> </ul>

## 12.2 Giảng viên thỉnh giảng phụ trách các môn hướng kinh tế, luật:

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Môn giảng
1	Lê Hoàn Sử	ĐH Kinh Tế- Luật	TS, Hệ thống thông tin quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thương mại điện tử</li> <li>- Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp</li> <li>- Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng.</li> <li>- Quản trị dự án TMĐT</li> </ul>
2	Nguyễn Anh Tuấn	ĐH Kinh Tế- Luật	TS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thanh toán trực tuyến</li> <li>- Quản trị doanh nghiệp</li> </ul>
3	Hồ Trung Thành	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu ngành</li> <li>- Quản trị sản xuất</li> <li>- Quản trị kênh phân phối</li> </ul>

<b>STT</b>	<b>Họ và tên cán bộ giảng dạy</b>	<b>Nơi công tác</b>	<b>Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo</b>	<b>Môn giảng</b>
				- Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp - Phân tích dữ liệu kinh doanh
4	Trần Văn Đức	Đại học Kinh tế - Luật	TS, Kinh tế	- Quản trị doanh nghiệp
5	Đỗ Đức Khả	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Quản trị kinh doanh	- Quản trị kênh phân phối - Quản trị bán hàng
6	Võ Thị Ngọc Trinh	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Quản trị kinh doanh	- Quản trị doanh nghiệp
7	Lê Nhân Mỹ	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Kinh tế học	- Kinh tế học đại cương - Quản trị doanh nghiệp
8	Mai Thu Phương	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Quản trị Nguồn nhân lực	- Quản trị nhân lực
9	Nguyễn Thanh Trọng	Đại học Kinh tế - Luật	TS, Kinh tế	- Kinh tế học đại cương
10	Nguyễn Thị Bình Minh	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Kinh tế Tài chính	- Quản trị tài chính doanh nghiệp - Nguyên lý kế toán
11	Nguyễn Thị Hạnh	Cục CNTT & TMĐT	ThS, Kinh doanh điện tử	- Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử - Pháp luật trong thương mại điện tử
12	Đoàn Xuân Huy Minh	Viện KHCN Tính toán	TS, CNTT	- Tiếp thị trực tuyến

### 12.3 Danh sách giảng viên theo nhóm môn giảng:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên cán bộ giảng dạy</b>	<b>Nơi công tác</b>	<b>Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo</b>	<b>Môn giảng</b>
------------	---------------------------------------	---------------------	---	------------------

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Môn giảng
<b>NHÓM MÔN KINH TẾ- QUẢN LÝ: được giảng viên ĐH Kinh Tế-Luật đảm trách theo phân bổ chương trình đào tạo</b>				
1	Lê Hoàn Sử	ĐH Kinh Tế-Luật	TS, Hệ thống thông tin quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thương mại điện tử</li> <li>- Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp</li> <li>- Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng.</li> <li>- Quản trị dự án TMĐT</li> </ul>
2	Nguyễn Anh Tuấn	ĐH Kinh Tế-Luật	TS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thanh toán trực tuyến</li> <li>- Quản trị doanh nghiệp</li> </ul>
3	Hồ Trung Thành	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu ngành</li> <li>- Quản trị sản xuất</li> <li>- Quản trị kênh phân phối</li> <li>- Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp</li> <li>- Phân tích dữ liệu kinh doanh</li> </ul>
4	Trần Văn Đức	Đại học Kinh tế - Luật	TS, Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị doanh nghiệp</li> </ul>
5	Đỗ Đức Khả	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị kênh phân phối</li> <li>- Quản trị bán hàng</li> </ul>
6	Võ Thị Ngọc Trinh	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị doanh nghiệp</li> </ul>
7	Lê Nhân Mỹ	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Kinh tế học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế học đại cương</li> <li>- Quản trị doanh nghiệp</li> </ul>
8	Mai Thu Phương	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Quản trị Nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị nhân lực</li> </ul>
9	Nguyễn Thanh Trọng	Đại học Kinh tế -	TS, Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế học đại cương</li> </ul>

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Môn giảng
		Luật		
10	Nguyễn Thị Bình Minh	Đại học Kinh tế - Luật	ThS, Kinh tế Tài chính	- Quản trị tài chính doanh nghiệp - Nguyên lý kế toán
11	Nguyễn Thị Hạnh	Cục CNTT & TMĐT	ThS, Kinh doanh điện tử	- Quản trị chiến lược Thương mại điện tử - Pháp luật trong thương mại điện tử
12	Đoàn Xuân Huy Minh	Viện Khoa học & Công nghệ Tính toán	TS, HTTT	- Tiếp thị trực tuyến
<b>NHÓM MÔN CÔNG NGHỆ</b>				
11	Trần Vĩnh Phước	Đại học CNTT	TS, Toán-Tin PGS, Tin học	- Cơ sở dữ liệu
12	Đỗ Phúc	Đại học CNTT	TS, Toán-Tin PGS, Tin học	- Mạng xã hội - Khai thác dữ liệu - Hệ thống thông tin quản lý
13	Nguyễn Đình Thuần	Đại học CNTT	PGS, TS, CNTT	- Phân tích dữ liệu kinh doanh - Giới thiệu ngành - Thương mại điện tử - Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử
14	Đàm Quang Hồng Hải	Đại học CNTT	TS, Tin học	- Nhập môn Mạng máy tính - Luật CNTT
15	Nguyễn Tuấn Đăng	Đại học CNTT	TS, Tin học	- Nhập môn lập trình - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
16	Vũ Đức Lung	Đại học CNTT	PGS, TS, Tin học	- Hệ điều hành - Kiến trúc máy tính

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Môn giảng
17	Dương Minh Đức	Đại học CNTT	TS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ hỗ trợ ra quyết định</li> <li>- Thương mại điện tử</li> <li>- Tiếp thị trực tuyến</li> <li>- An toàn và bảo mật TMĐT</li> <li>- Khai thác dữ liệu</li> <li>- Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử</li> <li>- Quản trị dự án TMĐT</li> </ul>
18	Vũ Thanh Nguyên	Đại học CNTT	TS, Tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập môn công nghệ phần mềm</li> <li>- Lập trình hướng đối tượng</li> <li>- Công nghệ .NET</li> </ul>
19	Đình Khắc Quyền	Đại học CNTT	ThS, Tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên lý kế toán</li> <li>- Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp</li> </ul>
20	Nguyễn Thị Kim Phụng	Đại học CNTT	ThS, Tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kho dữ liệu và OLAP</li> <li>- Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp</li> </ul>
21	Đỗ Thị Minh Phụng	Đại học CNTT	ThS, Tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở dữ liệu</li> <li>- Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp</li> <li>- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu</li> </ul>
22	Nguyễn Đình Loan Phương	Đại học CNTT	ThS, Tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp</li> <li>- Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp</li> </ul>
23	Trịnh Minh Tuấn	Đại học CNTT	ThS, Tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở dữ liệu</li> </ul>
24	Nguyễn Văn Xanh	Đại học CNTT	ThS, GIS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở dữ liệu</li> </ul>
25	Phạm Văn Hậu	Đại học CNTT	TS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- An toàn và bảo mật TMĐT</li> </ul>
26	Nguyễn Văn Toàn	Đại học CNTT	ThS, Tin học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật</li> <li>- Nhập môn lập trình</li> </ul>



<b>STT</b>	<b>Họ và tên cán bộ giảng dạy</b>	<b>Nơi công tác</b>	<b>Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo</b>	<b>Môn giảng</b>
27	Trương Thu Thủy	Đại học CNTT	ThS, Tin học	- Hệ quản trị CSDL Oracle - Kho dữ liệu và OLAP
28	Thái Bảo Trân	Đại học CNTT	ThS, Tin học	- Hệ quản trị CSDL - Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp
29	Mai Xuân Hùng	Đại học CNTT	ThS, Tin học	- Phát triển ứng dụng Web - Cơ sở dữ liệu
30	Hồ Trần Nhật Thủy	Đại học CNTT	ThS, Tin học	- Kho dữ liệu và OLAP - Điện toán đám mây
31	Lê Ngô Thục Vi	Đại học CNTT	ThS, Tin học	- Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp - Cơ sở dữ liệu
32	Nguyễn Anh Tuấn	Đại học CNTT	TS, Tin học	- Phát triển ứng dụng trên di động - Nhập môn mạng máy tính
33	Ngô Thanh Hùng	Đại học CNTT	TS, Tin học	- Điện toán đám mây - Dữ liệu lớn (Big Data) - Mạng xã hội
34	Trình Trọng Tín	Đại học CNTT	ThS, Quản lý CNTT	- Hệ thống thanh toán trực tuyến - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - Phát triển ứng dụng Web - Phân tích và thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp - Thiết kế hệ thống thương mại điện tử - Quản trị dự án TMĐT
35	Văn Đức Sơn Hà	Đại học CNTT	ThS, CNTT	- Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp - Tiếp thị trực tuyến - Mạng xã hội - Kho dữ liệu và OLAP - Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng - Quản trị kênh phân phối - Quản trị dự án TMĐT

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Môn giảng
36	Huỳnh Đức Huy	Đại học CNTT	ThS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp</li> <li>- Mạng xã hội</li> <li>- Thương mại điện tử</li> <li>- Kho dữ liệu và OLAP</li> <li>- dữ liệu lớn</li> <li>- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu</li> <li>- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle</li> </ul>
37	Đỗ Duy Thanh	Đại học CNTT	ThS, Business Information	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thương mại điện tử</li> <li>- Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp</li> <li>- Thiết kế hệ thống TMĐT</li> <li>- Mạng xã hội</li> <li>- Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng</li> <li>- Quản trị kênh phân phối</li> </ul>
40	Nguyễn Tấn Trần Minh Khang	Đại học CNTT	TS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập môn lập trình</li> <li>- Lập trình hướng đối tượng</li> </ul>

#### 12.4 Danh sách giảng viên phụ trách chính của ngành TMĐT

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Ghi chú
1	Dương Minh Đức	Đại học CNTT	TS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có kinh nghiệm làm việc và tham gia vào các dự án trong các tổ chức kinh tế, tài chính và doanh nghiệp hoạt động TMĐT.</li> <li>- Các hướng nghiên cứu liên quan đến liên ngành thương mại và CNTT (đã công bố 20 bài báo và 5 đề tài NCKH).</li> <li>- Tham gia giảng dạy các môn thuộc chuyên ngành TMĐT: Hệ hỗ trợ ra quyết định, Thương mại điện tử, An toàn và bảo mật TMĐT, Phân</li> </ul>

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Ghi chú
				tích dữ liệu kinh doanh, Hệ thống thanh toán trực tuyến, Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử, Quản trị dự án TMĐT
2	Lê Hoàn Sử	ĐH Kinh Tế-Luật	TS, Hệ thống thông tin quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hướng nghiên cứu liên quan đến liên ngành thương mại và CNTT. Có kinh nghiệm làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động về TMĐT, ERP.</li> <li>- Tham gia giảng dạy các môn thuộc ngành TMĐT: Thương mại điện tử, Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, Thiết kế hệ thống thương mại điện tử, Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị dự án TMĐT.</li> </ul>
3	Nguyễn Anh Tuấn	ĐH Kinh Tế-Luật	TS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hướng nghiên cứu liên quan đến liên ngành thương mại và CNTT. Có kinh nghiệm làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động về TMĐT.</li> <li>- Tham gia giảng dạy các môn thuộc ngành TMĐT: Hệ thống thanh toán trực tuyến, Quản trị doanh nghiệp</li> </ul>
4	Đỗ Duy Thanh	Đại học CNTT	ThS, Business Information	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hướng nghiên cứu liên quan đến liên ngành thương mại và CNTT. Có kinh nghiệm làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động về TMĐT, ERP.</li> <li>- Tham gia giảng dạy các môn thuộc ngành TMĐT: Thương mại điện tử, Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, Thiết kế hệ thống thương mại điện tử, Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị kênh phân phối</li> </ul>
5	Văn Đức	Đại học	ThS, CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hướng nghiên cứu liên quan đến liên ngành thương mại và</li> </ul>

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	Nơi công tác	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Ghi chú
	Son Hà	CNTT		<p>CNTT. Có kinh nghiệm làm việc trong doanh nghiệp hoạt động về TMĐT và E-Marketing.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia giảng dạy các môn thuộc ngành TMĐT: Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp, Tiếp thị trực tuyến, Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị kênh phân phối, Quản trị dự án TMĐT</li> </ul>
6	Trình Trọng Tín	Đại học CNTT	ThS, Quản lý CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hướng nghiên cứu liên quan đến liên ngành thương mại và CNTT. Có kinh nghiệm làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động về TMĐT, thanh toán trực tuyến.</li> <li>- Tham gia giảng dạy các môn thuộc ngành TMĐT: Hệ thống thanh toán trực tuyến, Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, Phân tích và thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp, Thiết kế hệ thống Thương mại điện tử, Quản trị dự án TMĐT</li> </ul>
7	Huỳnh Đức Huy	Đại học CNTT	ThS, HTTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hướng nghiên cứu liên quan đến liên ngành thương mại và CNTT. Có kinh nghiệm làm việc trong doanh nghiệp hoạt động về TMĐT và CRM.</li> <li>- Tham gia giảng dạy các môn thuộc ngành TMĐT: Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp, Thương mại điện tử, Kho dữ liệu và OLAP</li> </ul>

### 12.5 Kế hoạch hoàn thiện đội ngũ nhân lực giảng dạy:

- Để đảm bảo đội ngũ giảng dạy và các điều kiện đảm bảo chất lượng sau khi hết thời gian đào tạo thí điểm, Trường ĐH CNTT đã lập kế hoạch triển khai thực hiện phát triển nguồn nhân lực bổ sung nhân sự giảng dạy ngành TMĐT. Cụ thể, hàng năm sẽ tuyển thêm tối thiểu 01 tiến sĩ và 02 thạc sĩ ngành kinh tế có hướng nghiên cứu và chuyên

môn về kinh doanh điện tử hoặc thương mại điện tử. Dự kiến sau khi triển khai thí điểm số lượng giảng viên đủ đáp ứng 95% các môn học ngành thương mại điện tử.

### 13 Danh sách cố vấn học tập

STT	Họ và tên cán bộ giảng dạy	GVCN khóa	Văn bằng cao nhất, Ngành đào tạo	Ghi chú
1	Dương Minh Đức	TMĐT 2013	TS, CNTT	
2	Trình Trọng Tín	TMĐT 2015	ThS, Quản lý CNTT	
3	Văn Đức Sơn Hà	TMĐT 2014	ThS, CNTT	
4	Huỳnh Đức Huy	TMĐT 2016	ThS, CNTT	

### 14 Cơ sở vật chất phục vụ học tập

#### 14.1 Phòng học

Sử dụng chung phòng học và giảng đường của Trường ĐH Công nghệ Thông tin, gồm:

STT	Phòng	Đơn vị chủ quản
1	46 phòng học lý thuyết (26 phòng Chất lượng cao, 20 phòng thường)	Trường Đại học CNTT
2	1 hội trường sức chứa 200 chỗ (nhà E)	Trường Đại học CNTT
3	3 giảng đường: 1 giảng đường 400 chỗ (A1), 2 giảng đường 200 chỗ (A2, A3)	Trường Đại học CNTT

#### 14.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

Về cơ sở vật chất phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy:

STT	Phòng	Đơn vị chủ quản
-----	-------	-----------------

1	Sử dụng các Phòng Lab của Trường: 10 phòng Lab, mỗi phòng Lab trang bị 50 máy	Trường Đại học CNTT
2	Phòng thí nghiệm Đa phương tiện	Trường Đại học CNTT
3	Phòng thí nghiệm Hệ thống thông tin	Trường Đại học CNTT
4	Phòng thí nghiệm An toàn thông tin	Trường Đại học CNTT

### 14.3 Thư viện

- Thư viện Trung tâm của ĐHQG-HCM, hệ thống mạng thông tin tư liệu của ĐHQG-HCM kết nối Internet và các đơn vị thành viên của ĐHQG-HCM.
- Thư viện của Trường Đại học Công nghệ thông tin.
- Tủ sách chương trình tiên tiến: đầu sách chuyên ngành bản quyền bằng tiếng Anh.
- Số đầu sách: 121 quyển
- Số đầu sách chuyên ngành: 87 quyển
- Tủ sách chương trình tiên tiến: 187 quyển

### 14.4 Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Toán rời rạc	Toán rời rạc	Đỗ Văn Nhơn	ĐHQG TP. HCM	2000
2	Cấu trúc dữ liệu 2	Cấu trúc dữ liệu 2	Trương Hải Bằng	ĐHQG TP. HCM	2001
3	Giáo trình lập trình Java	Giáo trình lập trình Java	Tôn Thất Hòa An, Nguyễn Anh Tuấn, Hoàng Kiếm	ĐHQG TP. HCM	2003
4	Cơ sở dữ liệu quan hệ	Cơ sở dữ liệu quan hệ	Huyền Thị Hà; Nguyễn Đình Loan Phương	ĐHQG TP. HCM	2005

5	Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	<i>Đỗ Thị Minh Phụng</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2005
6	Quản trị mạng	Quản trị mạng	<i>Lê Hoài Nghĩa</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2005
7	Mạng căn bản	Mạng căn bản	<i>Lê Hoài Nghĩa</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2006
8	Giáo trình nhập môn Công nghệ phần mềm	Giáo trình nhập môn Công nghệ phần mềm	<i>Nguyễn Thị Thanh Trúc, Nguyễn Trác Thức</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2007
9	Cài đặt và quản trị các dịch vụ trên mạng	Cài đặt và quản trị các dịch vụ trên mạng	<i>Dương Tấn Thành, Võ Lê Phương, Trần Văn Khoa</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2008
10	Toán cao cấp A2	Toán cao cấp A2	<i>Đỗ Văn Nhơn, Nguyễn Mạnh Cường</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2008
11	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	<i>Huỳnh Ngọc Tín</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2008
12	Giáo trình Xác suất thống kê	Giáo trình Xác suất thống kê	<i>Tô Anh Dũng, Huỳnh Minh Trí</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2008
13	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	<i>Đỗ Văn Nhơn; Trịnh Quốc Sơn</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2015
14	Khai thác dữ liệu	Khai thác dữ liệu	<i>Đỗ Phúc</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2013
15	Cơ sở dữ liệu	Thiết kế cơ sở dữ liệu	<i>Trịnh Minh Tuấn</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2009
16	Giáo trình lập trình trên Windows	Giáo trình lập trình trên Windows	<i>Vũ Thanh Nguyên</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2010

17	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Quản lý dự án công nghệ thông tin	<i>Ngô Trung Việt</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2010
18	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (CTDL1)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (CTDL1)	<i>Trần Hạnh Nhi, Dương Anh Đức</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2010
19	Mạng máy tính	Mạng máy tính	<i>Nguyễn Bình Dương, Đàm Quang Hồng Hải</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2010
20	Cơ sở dữ liệu	Cơ sở dữ liệu	<i>Nguyễn Đăng Ty, Đỗ Phúc</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2010
21	Lập trình C trên Windows	Lập trình C trên Windows	<i>Nguyễn Đình Quyền, Mai Xuân Hùng</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2010
22	Thiết kế và lập trình Web với ASP	Thiết kế và lập trình Web với ASP	<i>Nguyễn Thị Thanh Trúc, Mai Xuân Hùng, Phạm Phú Hội</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2010
23	Cấu trúc dữ liệu 2	Cấu trúc dữ liệu 2	<i>Trương Hải Bằng</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2011
24	Giáo trình nhập môn Công nghệ phần mềm	Giáo trình nhập môn Công nghệ phần mềm	<i>Đỗ Văn Nhơn, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Nguyễn Trác Thức</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2011
25	Lập trình hướng đối tượng C++	Lập trình hướng đối tượng C++	<i>Trương Hải Bằng</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2011
26	Phân tích hệ thống hướng đối tượng với UML	Phân tích hệ thống hướng đối tượng với UML	<i>Dương Kiều Hoa, Tôn Thất Hòa An</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2011
27	Các hệ cơ sở tri thức	Các hệ cơ sở tri thức	<i>Hoàng Kiếm, Đỗ Phúc, Đỗ Văn Nhơn</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2012



28	Giáo trình lập trình Java	Giáo trình lập trình Java	<i>Huyền Ngọc Tín, Nguyễn Trác Thức, Tôn Thất Hòa An, Hoàng Kiếm</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2012
29	Giải tích 1	Toán cao cấp A3	<i>Đỗ Văn Nhơn</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2013
30	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu với Oracle	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu với Oracle	<i>Nguyễn Thị Trà Linh</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2013
31	Giải tích 1	Toán cao cấp A1	<i>Đỗ Văn Nhơn</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2013
32	Nhập môn lập trình	Tin học đại cương	<i>Hoàng Kiếm; Nguyễn Đức Thắng, Đinh Nguyễn Anh Dũng</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2014
33	Toán rời rạc	Toán rời rạc	<i>Đỗ Văn Nhơn</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2014
34	Lập trình hệ thống với Java	Lập trình hệ thống với Java	<i>Bùi Thanh Hiếu</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2014
35	Quản trị dự án công nghệ thông tin	Giáo trình thực hành Quản trị dự án CNTT	<i>Nguyễn Thị Thanh Trúc; Cáp Phạm Đình Thăng</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2014
36	Công nghệ .Net	Thực hành công nghệ .Net	<i>Phạm Thi Vương; Trần Anh Dũng; Lê Minh Trí; Nguyễn Phương Anh</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2014
37	Lập trình trên thiết bị di động	Giáo trình thực hành lập trình trên thiết bị di động	<i>Phạm Thi Vương; Cáp Phạm Đình Thăng; Hậu Nguyễn Thành Nam</i>	<i>ĐHQG TP. HCM</i>	2014

38	Công nghệ web ASP.NET	Giáo trình thực hành Công nghệ web ASP.NET	Phạm Thị Vương; Nguyễn Vĩnh Kha; Lê Minh Trí	ĐHQG TP. HCM	2014
39	Công nghệ Thương mại điện tử	Giáo trình công nghệ thông tin trong Thương mại điện tử	Nguyễn Đình Thuân; Đỗ Duy Thanh; Lê Thị Bích Khoa	ĐHQG TP. HCM	2015
40	Phát triển ứng dụng Web	Giáo trình phát triển ứng dụng Web	Nguyễn Đình Thuân; Mai Xuân Hùng	ĐHQG TP. HCM	2015

#### 14.5 Đầu sách chuyên ngành về Thương mại điện tử

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản Trị Tài Chính	Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Thị Mỹ Hương	NXB Thống kê	2009
2	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp căn bản	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	2009
3	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	2009
4	Quản trị nhân lực	Quản Trị Nhân Sự	Trần Kim Dung	NXB Thống Kê	2009
5	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Business Process Management	M.Weske	Springer	2007
6	Thương mại điện tử	E-Business & E-Commerce Management	Dave Chaffey	Pearson Education	2007

7	Pháp luật trong thương mại điện tử	Giáo trình Luật kinh tế	Trần, Huỳnh Thanh Nghị, Mỹ An Dương	NXB giáo dục	2007
8	Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng	Quản trị chuỗi cung ứng	Tập thể tác giả	Trường ĐH kinh tế - ĐH Đà Nẵng.	2007
9	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Lập mô hình tài chính	Trần Ngọc Thơ & Vũ Việt Quảng	NXB Lao động – Xã hội	2007
10	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Balance Score Card	Norton, Kaplan	Havard Business Press	2006
11	Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng	Quản lý chuỗi cung ứng. Tài liệu hướng dẫn học tập	Nguyễn Kim Anh	ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh	2006
12	Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng	Strategic Supply chain Management	Cohen, S., & Rousell, J	McGraw-Hill/Irwin Publisher	2005
13	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	The Ocean Blue Strategy: Chiến lược đại dương xanh - Làm thế nào để tạo khoảng trống và vô hiệu hóa đối thủ	Kim, W.C. and R. Mauborgne	N.X.B.Tri Thức	2005
14	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất viễn thông	Nguyễn Thị Minh An, Nguyễn Hoài	NXB Bưu điện	2005

			Anh		
15	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	PGS,TS. Trần Ngọc Thơ	NXB Thống kê	2005
16	Quản trị nhân lực	Human Resources and Personnel Management	William B. Werther và Keith Davis	McGraw-Hill, Inc, New York	2005
17	Hệ thống thanh toán trực tuyến	E-Payment Digital Exchange	Tan, Margaret	NUS Press	2004
18	Quản trị kênh phân phối	Quản trị kênh phân phối,	Trương Đình Chiến	NXB Thống kê Hà Nội	2004
19	Quản trị nhân lực	Quản Trị Nhân Sự	Nguyễn Hữu Thân	NXB Thống Kê	2004
20	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Logistics an Introduction to Supply Chain Management	D.Warters	Palgrave Macmillan	2003
21	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	Customer Relationship Management	Storbacka, K. và Lehtinen, J.R	McGraw-Hill Education	2002
22	Nhập môn Quản trị chuỗi cung ứng	Supply chain Logistics management	Bowersox, D. J., Closs, D. J., & Cooper, M. B	McGraw-Hill/Irwin Publisher	2002
23	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trương Đoàn Thê	NXB Thống kê	2002
24	Quản trị sản xuất	Quản trị sản xuất	Đông Thị	NXB thống	2002

		và dịch vụ	Thanh Phương	kê	
25	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng	Jamers M.Comer	NXB Tp. Hồ Chí Minh	2002
26	Tiếp thị trực tuyến	Những nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler	NXB Thống kê	2001
27	Hệ thống thanh toán trực tuyến	Electronic Payment System	Guthrie, Paul	U.S. Patent Application	2001
28	Quản trị sản xuất	Quản lý sản xuất	Nguyễn Văn Nghiên	NXB Đại học quốc gia Hà nội	2001
29	Quản trị sản xuất	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền	NXB thống kê	2001
30	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Câu hỏi và bài tập quản trị tài chính	Nguyễn Văn Thuận	NXB Thống kê	2001
31	Quản trị bán hàng	Những nguyên lý tiếp thị,	Philip Kotler	NXB Thống kê	2001
32	Thương mại điện tử	Electronic Commerce	Gary P.Schneider	John Wiley & Sons, Inc	2000
33	An toàn và bảo mật trong thương mại điện tử	E-Commerce Systems Architecture and Applications	Rajput, Wasim	Artech House telecommunica-tions	2000
34	Quản trị bán hàng	Nghiệp vụ bán hàng	Huỳnh Bá Tuệ Dương	Tài liệu lưu hành nội bộ	2000
35	Kinh tế học đại	Kinh tế học vi	Robert Pindyck,	NXB Thống	1999

	ương	mô	Daniel Rubinfeld	kê	
36	Kinh tế học đại ương	Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Luân	NXB Thống kê	1998
37	Kinh tế học đại ương	Kinh tế học vi mô Giáo trình dùng trong các trường ĐH khối kinh tế	Vũ Đình Bách, Ngô Đình Giao	NXB Giáo dục	1997
38	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	What is strategy?	Porter, M.E.	Havard Business Review	1996

### **15 Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Hiệu trưởng trường ĐH CNTT, chủ trì tổ chức thực hiện chương trình cùng với sự cố vấn của Hội đồng khoa học Trường, Hội đồng khoa học Khoa Hệ thống Thông tin.
- Trưởng Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Hệ thống thông tin có trách nhiệm tham mưu Ban Giám Hiệu, lập kế hoạch triển khai và đảm bảo chất lượng cho chương trình.

### **16 Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo**

- Chương trình dự kiến sẽ kiểm định sau ba năm triển khai theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Tú Anh**